



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

**NHỮNG
NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA LUẬT
LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NĂM 2009**



**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NĂM 2009**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

ThS. DƯƠNG BẠCH LONG

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NĂM 2009**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2014

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản. Như vậy, việc quản lý lý lịch tư pháp là nhiệm vụ quan trọng, nó liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, hoạt động của các cơ quan tư pháp; lý lịch tư pháp là công cụ giúp nhà nước quản lý trật tự xã hội, quản lý con người, thông qua lý lịch tư pháp, Tòa án có thể biết được tình trạng tiền án của bị cáo để xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với họ khi giải quyết những công việc cụ thể; lý lịch tư pháp giúp Cơ quan thi hành án biết được quá khứ nhân thân của người thụ án để có biện pháp giáo dục, cải tạo thích hợp; lý lịch tư pháp còn là nguồn thông tin để các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế xem xét đạo đức, tư cách cá nhân trong khi giải quyết một số việc cụ thể như bầu cử, ứng cử, tuyển dụng, làm thủ tục xuất nhập cảnh...

Bên cạnh đó, lý lịch tư pháp cũng là công cụ để công

dân đòi hỏi sự đối xử công bằng, minh bạch từ phía cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện các quyền dân sự - chính trị, yêu cầu Nhà nước phải bảo đảm cho họ được làm các công việc mà pháp luật không cấm nếu họ xuất trình được lý lịch tư pháp chứng minh họ không có án tích. Có thể nói, lý lịch tư pháp là một hình thức quản lý con người hiện đại trong một xã hội văn minh tiến bộ khi mà quyền công dân ngày càng được tôn trọng và bảo vệ. Nhằm cung cấp cho đông đảo bạn đọc đặc biệt là những cá nhân, công dân thuộc đối tượng quản lý lý lịch tư pháp cũng như các cơ quan quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp ở cấp cơ sở những kiến thức pháp luật về lý lịch tư pháp, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Những nội dung cơ bản của Luật lý lịch tư pháp năm 2009***. Cuốn sách gồm 99 câu hỏi và trả lời, chia thành 5 phần:

I: Những quy định chung

II: Tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

III: Cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp và lập lý lịch tư pháp

IV: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp

V: Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về lý lịch tư pháp

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 3 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Câu hỏi 1. Theo quy định của pháp luật, lý lịch tư pháp là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm 1 Điều 2 Luật lý lịch tư pháp (Luật số 28/2009/QH12) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17-6-2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 (sau đây gọi tắt là Luật lý lịch tư pháp năm 2009) thì: *“Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản”*.

Theo quy định trên thì, lý lịch tư pháp gồm hai nội dung chính và độc lập với nhau. Theo đó:

- *Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án;*

- Lý lịch tư pháp là lý lịch về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

Ở nội dung thứ nhất, lý lịch tư pháp là nguồn thông tin chính thức về tình trạng tiền án của bị cáo để Tòa án xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với họ khi giải quyết những vụ việc cụ thể. Xét theo góc độ này, những thông tin về lý lịch tư pháp có giá trị chứng minh bị cáo tái phạm hay không tái phạm. Về ý nghĩa, có thể coi lý lịch tư pháp là một công cụ góp phần bảo đảm nguyên tắc công bằng trong tố tụng hình sự: “Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) qua đó thể hiện tính chất nhân đạo của pháp luật.

Trong giai đoạn thi hành án hình sự, lý lịch tư pháp giúp cho Cơ quan thi hành án biết được quá khứ, nhân thân của người thụ án, những đặc điểm phạm tội của họ..., để có biện pháp giáo dục, cải tạo họ một cách thích hợp. Đặc biệt, lý lịch tư pháp còn giúp cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục đối với những người phải thi hành các hình phạt khác không phải là hình phạt tù như: cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, trục xuất, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, v.v., thuận lợi hơn khi thực hiện nhiệm vụ.

Ở nội dung thứ hai, lý lịch tư pháp còn là nguồn thông tin chính thức để các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế, v.v., xem xét đạo đức, tư cách của cá nhân trong khi giải quyết những vụ việc cụ thể liên quan đến cá nhân đó như bầu cử, ứng cử, tuyển dụng nhân sự, đăng ký kinh doanh, làm thủ tục xuất, nhập cảnh... Chính vì vậy, ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong những năm gần đây, pháp luật thường quy định việc công dân phải xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia vào một số quan hệ xã hội cụ thể.

Ở góc độ quản lý nhà nước, lý lịch tư pháp có thể được coi là một công cụ giúp Nhà nước quản lý trật tự xã hội, quản lý con người, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ gây thiệt hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ bởi những người đã từng có những hành vi tiêu cực đối với xã hội ở mức độ nghiêm trọng. Quản lý con người qua lý lịch tư pháp giúp cho các quan hệ xã hội được phát triển lành mạnh, bền vững, theo khuôn khổ của pháp luật, qua đó góp phần phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Ở góc độ cá nhân, lý lịch tư pháp cũng là công cụ để công dân đòi hỏi sự đối xử công bằng, minh bạch từ phía các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện các quyền dân

sự, chính trị, yêu cầu Nhà nước phải bảo đảm cho họ được làm các công việc mà pháp luật không cấm khi họ xuất trình được lý lịch tư pháp chứng minh họ không có án tích. Có thể nói, lý lịch tư pháp là một hình thức quản lý con người hiện đại trong một xã hội đương đại dân chủ văn minh khi mà quyền công dân ngày càng được tôn trọng và bảo vệ.

Câu hỏi 2. Thông tin lý lịch tư pháp là gì?

Trả lời:

Theo điểm 2 và 3 Điều 2 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, thông tin lý lịch tư pháp được chia thành hai loại: thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó:

- *Thông tin lý lịch tư pháp về án tích* là thông tin về cá nhân người bị kết án; tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí; ngày, tháng, năm tuyên án, Tòa án đã tuyên bản án, số của bản án đã tuyên; tình trạng thi hành án.

- *Thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã* là thông tin về cá nhân người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Về hình thức, theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06 - 02 - 2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2013/TT-BTP) thì, thông tin lý lịch tư pháp bao gồm: thông tin lý lịch tư pháp dưới hình thức văn bản giấy và thông tin lý lịch tư pháp dưới hình thức dữ liệu điện tử (nghĩa là thông tin lý lịch tư pháp dưới dạng số theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin, sau đây gọi là thông tin lý lịch tư pháp điện tử).

Câu hỏi 3. Phiếu lý lịch tư pháp là gì?

Trả lời:

Theo điểm 4 Điều 2 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, Phiếu lý lịch tư pháp là phiếu do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp có giá trị chứng minh cá nhân có hay không có án tích; bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

Theo quy định tại Điều 41 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, có hai loại Phiếu lý lịch tư pháp: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1:

Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được cấp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam và cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Án tích đã được xóa thì không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

- Phiếu lý lịch tư pháp số 2:

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Trường hợp một người đã bị kết án thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 ghi tất cả các án tích (bao gồm án tích chưa được xóa và án tích đã được xóa). Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cũng bao gồm thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Như vậy, so với Phiếu lý lịch tư pháp số 1, Phiếu lý lịch tư pháp số 2 bao gồm nhiều thông tin hơn (cả những án tích đã được xóa). Tuy nhiên, đối tượng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cũng hẹp hơn, chỉ bao gồm các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án).

Để bảo đảm tính minh bạch và quyền dân chủ của công dân, Điều 41 quy định Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cũng được cấp theo yêu cầu của cá nhân người có lý lịch tư pháp để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình.

Câu hỏi 4. Án tích là gì?

Trả lời:

Lý lịch tư pháp được hiểu là lý lịch của một cá nhân công dân, trong đó có những thông tin chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định việc người đó có án tích hay không. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có những quy định giải thích về khái niệm án tích. Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự hiện hành) và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 không giải thích thuật ngữ án tích nhưng tại Chương IX Bộ luật hình sự hiện hành có quy định về xoá án tích. Theo đó, người được xoá án tích coi như chưa bị kết án.

Như vậy, sự khác nhau giữa người có án tích và người không có án tích (kể cả người đã được xoá án tích) là ở chỗ người đó có bị coi là đã bị kết án hay chưa. Nội dung này liên quan đến một khái niệm khác trong pháp luật hình sự, đó là khái niệm tiền án. Khoản 2 Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “Trong bản án cần phải ghi rõ:... họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, thành phần xã hội, *tiền án*, tiền sự của bị cáo;...”. Người có tiền án là người đã bị kết án và chưa được xoá án, đang bị coi là có án tích. Khái niệm án tích cũng liên quan đến các khái niệm “tái phạm”, “tái phạm nguy hiểm” quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự hiện hành.

Với các lập luận như trên, án tích được hiểu là khái niệm dùng để chỉ việc phạm tội trong quá khứ của một người đã bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và chưa được xóa án. Nói cách khác, án tích là dấu tích thể hiện việc một người đã từng bị kết án bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được xóa án.

Trong quản lý nhà nước về trật tự xã hội nói chung và trong hoạt động tư pháp nói riêng, việc ghi nhớ án tích của những người bị kết án là rất cần thiết. Bất cứ Nhà nước nào cũng cần có sự “phân loại” công dân của mình theo tiêu chí thái độ của công dân đối với pháp luật. Một công dân thường xuyên vi phạm pháp luật thì Nhà nước và xã hội ngoài việc áp dụng những dạng, mức trách nhiệm pháp lý tương ứng, cũng cần có chính sách theo dõi, quản lý đặc biệt hơn, hạn chế hơn việc tham gia một số quan hệ pháp luật nhất định đối với người đó.

Trong hoạt động tư pháp, việc ghi nhớ án tích có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nhân thân của người bị tình nghi phạm tội. Chính sách hình sự của các quốc gia thường có sự phân hóa đường lối xử lý với người tái phạm, tái phạm nguy hiểm, ví dụ, tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: “... *Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để*

*phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng...”. Nhằm cụ thể hóa đường lối xử lý trên, Điều 45 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: “**Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự**”.*

Câu hỏi 5. Theo quy định của pháp luật, mục đích quản lý lý lịch tư pháp là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì mục đích của việc thu thập thông tin lý lịch tư pháp và quản lý lý lịch tư pháp là nhằm:

- Đáp ứng yêu cầu cần chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản;
- Ghi nhận việc xoá án tích, tạo điều kiện cho người đã bị kết án tái hoà nhập cộng đồng;
- Hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và thống kê tư pháp hình sự;
- Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Câu hỏi 6. Việc quản lý lý lịch tư pháp phải tuân theo những nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, việc quản lý lý lịch tư pháp phải tuân theo những nguyên tắc sau:

- Lý lịch tư pháp chỉ được lập trên cơ sở bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật.

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất của việc quản lý lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp chỉ được lập dựa trên các thông tin được trích từ các bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật. Nếu thông tin không có trong các căn cứ trên thì không được đưa vào lý lịch tư pháp. Mặt khác, kể cả các thông tin có trong các bản án, quyết định hình sự hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản mà chưa có hiệu lực pháp luật thì cũng không được đưa vào lý lịch tư pháp.

- Bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân.

Nguyên tắc này quy định chỉ có cơ quan, tổ chức và cá nhân được pháp luật quy định mới được tiếp cận đến các thông tin lý lịch tư pháp. Những thông tin trong lý lịch tư pháp được nhiều quốc gia coi là

thuộc về bí mật đời tư của công dân và hạn chế tối đa việc công bố những thông tin này nếu như không thuộc các chủ thể và các trường hợp được quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp. Điều này xuất phát từ những hậu quả đặc biệt tiêu cực nếu các thông tin trong lý lịch tư pháp được tiết lộ với cá nhân khác, thậm chí là đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nơi cá nhân đó đang làm việc.

- Thông tin lý lịch tư pháp phải được cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý đầy đủ, chính xác theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật lý lịch tư pháp năm 2009. Cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong Phiếu lý lịch tư pháp.

Nhằm cụ thể hóa nguyên tắc này, Luật lý lịch tư pháp năm 2009 đã giành một chương riêng để quy định cụ thể về việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp và lập lý lịch tư pháp (Chương III) với những trình tự, thủ tục cụ thể, chặt chẽ nhằm bảo đảm các thông tin lý lịch tư pháp luôn được cập nhật và chính xác.

Câu hỏi 7. Những người nào thuộc đối tượng quản lý lý lịch tư pháp?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì đối tượng quản lý của lý lịch tư pháp bao gồm:

- Công dân Việt Nam bị kết án bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam, Tòa án nước ngoài mà trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người bị kết án được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Người nước ngoài bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật.

- Công dân Việt Nam, người nước ngoài bị Tòa án Việt Nam cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong quyết định tuyên bố phá sản đã có hiệu lực pháp luật.

Câu hỏi 8. Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 6 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 2 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10-5-2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) đã quy định cụ thể trách nhiệm làm đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể:

- Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án:

+ Tòa án nhân dân tối cao giao cho các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân cấp tỉnh) giao cho bộ phận làm nhiệm vụ tổng đạt bản án hình sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Tòa án nhân dân huyện) giao cho công chức làm nhiệm vụ tổng đạt bản án hình sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

- Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Viện kiểm sát:

+ Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh) giao cho Văn phòng thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

- Bộ phận đầu mối tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an:

+ Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin có trước ngày 01-7-2010 để cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

+ Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh cung cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá có từ ngày 01-7-2010;

+ Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp cung cấp thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam; quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài; thông báo về quyết định

đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam;

+ Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh cung cấp thông báo về việc thi hành án phạt trực xuất;

+ Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) cung cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có từ ngày 01-7-2010.

- Tòa án quân sự Trung ương thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án.

- Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Cơ quan thi hành án dân sự:

+ Cục Thi hành án dân sự tỉnh giao cho Văn phòng thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện giao cho một công chức thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 9. Quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định tại Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 như sau:

- Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình.

- Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Câu hỏi 10. Các hành vi bị cấm trong quản lý, khai thác và sử dụng lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì trong quản lý, khai thác và sử dụng lý lịch tư pháp pháp luật nghiêm cấm các hành vi sau:

- Khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại dữ liệu lý lịch tư pháp;

- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp sai sự thật;

- Giả mạo giấy tờ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

- Tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo Phiếu lý lịch tư pháp;

- Cấp Phiếu lý lịch tư pháp có nội dung sai sự thật, trái thẩm quyền, không đúng đối tượng;
- Sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp của người khác trái pháp luật, xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân.

Câu hỏi 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định cụ thể như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

- Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- + Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp;

- + Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp; đào

tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp;

- + Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

- + Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước và chỉ đạo hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại các địa phương;

- + Bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

- + Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về lý lịch tư pháp;

- + Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp;

- + Ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về lý lịch tư pháp;

- + Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý lý lịch tư pháp;

- + Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực lý lịch tư pháp;

- + Định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động quản lý lý lịch tư pháp.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

+ Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp;

+ Bảo đảm về biên chế, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương;

+ Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp;

+ Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi địa phương mình;

+ Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương.

- Các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành phối hợp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23-11-2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 111/2010/NĐ-CP).

Câu hỏi 12. Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì: cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp lệ phí; mức lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật, Điều 6 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư số 174/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 02-12-2011 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (sau đây viết tắt là Thông tư số 174/2011/TT-BTC) đã quy định cụ thể như sau:

- Những người thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật và người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Điều 6 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 174/2011/TT/BTC);

- Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có yêu cầu cấp

Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định như sau (Điều 3 Thông tư số 174/2011/TT-BTC):

Sst	Nội dung thu	Mức thu (đồng/lần/người)
1	Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp	200.000
2	Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ	100.000

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thu thêm 3.000 đồng/Phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 13. Việc tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 174/2011/TT-BTC thì việc tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Cơ quan thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp là Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp;

- Cơ quan thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp trích 80% số tiền lệ phí thu được trước khi nộp ngân sách nhà nước để trang trải cho việc thu lệ phí.

Số tiền trích để lại cho cơ quan thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được xác định là 100% và phân bổ như sau:

+ Cơ quan thu lệ phí thực hiện trích chuyển cho cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp trong công tác xác minh 60% số tiền lệ phí được để lại, tương ứng với số lượng hồ sơ yêu cầu xác minh đã được hoàn thành.

Việc trích chuyển được thực hiện mỗi quý một lần trên cơ sở tổng số hồ sơ yêu cầu xác minh đã được hoàn thành.

Trong trường hợp có nhiều cơ quan phối hợp xác minh thông tin, thì ngoài khoản trích chuyển cho cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, cơ quan thu lệ phí hỗ trợ cho mỗi cơ quan khác thực hiện việc xác minh 25.000 đồng/yêu cầu.

+ Sở Tư pháp các địa phương trích chuyển 4% số tiền lệ phí được để lại cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để hỗ trợ cho việc xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Phần còn lại (20%), cơ quan thu lệ phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư số 174/2011/TT-BTC được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24-7-2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25-5-2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24-7-2002; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28-2-2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28-10-2010 của Chính phủ¹.

1. Thông tư này đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung bởi Thông tư số 120/2011/TT-BTC ngày 16-08-2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23-3-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24-11-2010 của Quốc hội về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11-11-2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08-8-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường (Thông tư 152/2011/TT-BTC cũng đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư số 06/2012/TT-BKHĐT ngày 19-10-2012 của Bộ Kế hoạch và

Câu hỏi 14. Biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 9 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 thì Bộ Tư pháp ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về lý lịch tư pháp.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27-6-2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11-11-2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27- 6 - 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP) đã quy định rõ tại Điều 3 như sau:

Bộ Tư pháp ban hành 08 loại biểu mẫu và 04 mẫu sổ lý lịch tư pháp kèm theo Thông tư số

Đầu tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28-9-2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11-11-2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08-08-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường (BT).

16/2013/TT-BTP (Phụ lục số 02). Kích cỡ của 08 loại biểu mẫu và 04 mẫu sổ lý lịch tư pháp được thống nhất sử dụng khổ giấy A4 (210 mm x 297mm).

Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp được sử dụng và lưu trữ tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử. Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như hệ thống biểu mẫu, mẫu sổ lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy.

Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

- Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp điện tử phải phù hợp với nội dung, hình thức của các biểu mẫu, mẫu sổ ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm được kết xuất, in ấn thuận tiện trong quá trình sử dụng và lưu trữ thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Tại Điều 4 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì:

- Bộ Tư pháp in và phát hành 02 loại giấy in màu có hoa văn để Trung tâm Lý lịch tư pháp

quốc gia, Sở Tư pháp (sau đây gọi là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp) in nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Các biểu mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dành cho cá nhân và văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dành cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn). Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để tải về và sử dụng miễn phí các loại biểu mẫu nói trên khi làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức đến làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp để sử dụng miễn phí 02 loại Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và 02 văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tổ chức sử dụng 08 loại biểu mẫu và 04 loại sổ lý lịch tư pháp ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

II. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Câu hỏi 15. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tập hợp các thông tin lý lịch tư pháp về án tích, tình trạng thi hành án; về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản được cập nhật và xử lý theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này thì cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại Sở Tư pháp.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, tại Điều 5 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã quy định cụ thể trách nhiệm cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khác. Cụ thể:

- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân có trách nhiệm cung cấp những thông tin cần thiết theo yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp để xác định về nhân thân của

người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân để phục vụ công tác của các cơ quan này theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

Câu hỏi 16. Nhiệm vụ của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 12 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, nhiệm vụ của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước;

- Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp;

- Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và Sở Tư pháp cung cấp;

- Tiếp nhận lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cung cấp;
- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp;
- Lập lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền;
- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người nước ngoài bị Tòa án Việt Nam kết án theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước.

Câu hỏi 17. Nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 13 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp;

- Lập lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền;
- Cung cấp lý lịch tư pháp và thông tin bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp khác;
- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương.

Câu hỏi 18. Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, các hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm:

- Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại và xử lý thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP;
- Lập lý lịch tư pháp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP;
- Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp vào lý lịch tư pháp đã được lập.

Câu hỏi 19. Phạm vi xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 8 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì, phạm vi xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp về án tích của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Người bị Tòa án Việt Nam kết án kể từ ngày 01-7-2010;

- Người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 nhưng từ ngày 01-7-2010, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người đó do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp theo quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009;

- Người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 nhưng từ ngày 01-7-2010, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp được cơ quan Công an, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin về tình trạng án tích của người đó để cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

- Công dân Việt Nam bị Tòa án nước ngoài kết án mà trích lục bản án, trích lục án tích của người đó được Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kể từ ngày 01-7-2010;

- Công dân Việt Nam bị Tòa án nước ngoài kết

án được chuyển giao để chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam kể từ ngày 01-7-2010.

Câu hỏi 20. Việc bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 14 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, việc bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tài sản quốc gia phải được bảo vệ chặt chẽ, an toàn, lưu trữ lâu dài;

- Chỉ người có thẩm quyền mới được tiếp cận, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Chính phủ quy định cụ thể việc bảo vệ và lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã quy định cụ thể như sau:

- Theo Điều 19 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, hình thức lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp gồm:

- + Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy và dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử;

- + Hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy bao gồm các văn bản có chứa thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp

quốc gia, Sở Tư pháp theo quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và lý lịch tư pháp của cá nhân do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp lập;

- + Dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử bao gồm thông tin lý lịch tư pháp có trong hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy đã được chuyển sang dạng dữ liệu điện tử;

- + Hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy và dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử đều là căn cứ để xác định một người có hay không có án tích, bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

- Theo Điều 20 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy phải tuân theo quy định sau:

- + Việc lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy phải theo nguyên tắc phân loại, sắp xếp thành hồ sơ của từng cá nhân; mỗi hồ sơ có ký hiệu riêng bảo đảm chính xác và thuận tiện cho việc tra cứu thông tin;

- + Bản sao bản án, trích lục bản án, quyết định thi hành án hình sự, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, lý lịch tư pháp của cá nhân được lưu trữ tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp đến khi cá nhân qua đời.

Các tài liệu khác trong hồ sơ lý lịch tư pháp được lưu trữ có thời hạn và có thể được tiêu hủy

khi hết giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- Theo Điều 21 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc lưu trữ dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử phải tuân theo quy định sau:

+ Dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử được xây dựng trên cơ sở số hóa hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy, có cấu trúc phù hợp với nội dung của hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy và được lưu trữ vô thời hạn tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp;

+ Trong trường hợp có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử và hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp phải tiến hành kiểm tra, xác minh để điều chỉnh cho phù hợp.

Câu hỏi 21. Việc quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 22 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải tuân theo các quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

- Công chức, viên chức công tác tại Trung tâm

Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp chỉ được quyền tiếp cận cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Thực hiện thẩm quyền này, Bộ Trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 06/2013/TT-BTP để hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì:

- “Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp” là tập hợp nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp trong xây dựng, lưu trữ, bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp.

- “Sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp” là việc tiếp cận cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để tra cứu, tìm kiếm, sao chép thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm phục vụ các mục đích theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

Để bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Điều 23 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã quy định: Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và an ninh đối với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Cụ thể:

- Các biện pháp bảo vệ chung, gồm:
 - + Các biện pháp phòng, chống đột nhập, trộm cắp dữ liệu;
 - + Các biện pháp phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thiên tai.
- Các biện pháp bảo vệ đối với hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy, gồm:
 - + Xây dựng hoặc bố trí kho lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn quy định;
 - + Trang bị đầy đủ các thiết bị kỹ thuật, phương tiện bảo quản hồ sơ;
 - + Duy trì nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng phù hợp với hồ sơ;
 - + Thực hiện các biện pháp phòng, chống côn trùng, nấm mốc, khử axit và các tác nhân khác gây hư hỏng hồ sơ;
 - + Tu bổ, phục chế hồ sơ khi bị hư hỏng hoặc có nguy cơ bị hư hỏng.
- Các biện pháp bảo vệ đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử, gồm:
 - + Các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu;
 - + Các biện pháp bảo đảm an ninh mạng.

Câu hỏi 22. Thế nào là quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp?

Trả lời:

Theo điểm 1 và điểm 2 Điều 2 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì:

- *Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp* là tập hợp nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở tư pháp trong xây dựng, lưu trữ, bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm lý lịch Tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp.

- *Sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp* là việc tiếp cận cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để tra cứu, tìm kiếm, sao chép thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm phục vụ các mục đích theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

Câu hỏi 23. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 3 Thông tư số 06/2013/TT-BTP, nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải tuân thủ theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải đúng mục đích, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và lưu trữ lâu dài, bảo đảm

tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải được phân định quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng theo nhiệm vụ, chức trách của người làm công tác lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 24. Trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 Thông tư số 06/2013/TT-BTP quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp như sau:

- Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có trách nhiệm sau đây:

+ Tổng hợp và cập nhật tình hình, thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước;

+ Quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước;

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp;

+ Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

+ Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

cho người làm công tác lý lịch tư pháp;

- + Phân cấp quyền tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, quyền sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

- + Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; quy chế mẫu về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp;

- + Tổ chức thực hiện công tác thống kê, báo cáo việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

- Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm sau đây:

- + Tổng hợp và cập nhật tình hình, thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp;

- + Quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- + Tổ chức cho người làm công tác lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý lịch tư pháp do Bộ Tư pháp tổ chức;

- + Phân cấp quyền tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, quyền khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp;

- + Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai

thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp trên cơ sở quy chế mẫu do Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia ban hành;

- + Tổ chức thực hiện công tác thống kê, báo cáo việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp.

- Người làm công tác lý lịch tư pháp được giao nhiệm vụ trực tiếp thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm sau đây:

- + Thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp theo phạm vi, chức trách, nhiệm vụ được phân công;

- + Rà soát, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác của thông tin khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- + Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế của cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- + Trường hợp phát hiện thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bị mất, hủy hoại, thay đổi và có hành vi khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp sai mục đích, thẩm quyền thì báo cáo ngay cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị biết để kịp thời có kế hoạch, biện pháp truy tìm, khắc phục hậu quả, xác định trách nhiệm cá nhân và có hình thức xử lý;

+ Kịp thời báo cáo lãnh đạo cơ quan, đơn vị khi có vướng mắc, khó khăn, sự cố xảy ra và đề xuất hướng giải quyết.

Câu hỏi 25. Trách nhiệm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì trách nhiệm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xác định cụ thể như sau:

- Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có trách nhiệm sau đây:

+ Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

+ Theo dõi, cập nhật tình hình và báo cáo Bộ trưởng việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

+ Quản lý việc kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia với các Sở Tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

- Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm sau đây:

+ Phối hợp với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tổ chức triển khai và báo cáo Bộ trưởng việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

+ Khắc phục sự cố kỹ thuật trong thực hiện kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia với các Sở Tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

- Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Câu hỏi 26. Việc liên kết, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 6 Thông tư số 06/2013/TT-BTP quy định việc liên kết, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan như sau:

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các

cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan của cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Cơ quan quản lý hộ tịch, Cơ quan thi hành án dân sự.

Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 16 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Điều 24 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin nghiên cứu giải pháp kỹ thuật để thực hiện việc trao đổi, cung cấp, chia sẻ thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với các cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 27. Mục đích sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 29 Thông tư số 06/2013/TT-BTP quy định mục đích sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp như sau:

Việc sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm phục vụ các mục đích sau đây:

- Phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp

theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Phục vụ công tác thống kê, báo cáo về lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 28. Đối tượng sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là cơ quan, tổ chức và cá nhân nào?

Trả lời:

Theo Điều 30 Thông tư số 06/2013/TT-BTP đối tượng sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là: cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, người làm công tác lý lịch tư pháp có quyền sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền, phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

Câu hỏi 29. Phương thức sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 31 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì, phương thức sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp sử dụng và khai thác dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử thông qua phần mềm chuyên dụng.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư

pháp sử dụng và khai thác hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy thông qua nghiệp vụ tra cứu, tìm kiếm hồ sơ được lưu trữ.

Câu hỏi 30. Thẩm quyền của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp trong sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 32 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì, thẩm quyền của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp trong sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có thẩm quyền sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và tại các Sở Tư pháp.

Trường hợp thực hiện việc sao chép dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phải thông báo cho Sở Tư pháp.

Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có quyền yêu cầu Sở Tư pháp tra cứu, cung cấp thông tin hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

- Sở Tư pháp có thẩm quyền sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp và có quyền yêu cầu Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp khác cung cấp thông tin

trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để phục vụ hoạt động quản lý lý lịch tư pháp.

- Yêu cầu cung cấp thông tin có thể gửi qua mạng máy tính hoặc qua bưu điện.

III. CUNG CẤP, TIẾP NHẬN, CẬP NHẬT, XỬ LÝ THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP VÀ LẬP LÝ LỊCH TƯ PHÁP

A. CUNG CẤP, TIẾP NHẬN THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP VỀ ÁN TÍCH

Câu hỏi 31. Nguồn thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp được xác định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác lập từ các nguồn sau đây:

- Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và bản án hình sự phúc thẩm.
- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự.
- Quyết định thi hành án hình sự.
- Quyết định miễn chấp hành hình phạt.
- Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.
- Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù.
- Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

- Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù; văn bản thông báo kết quả thi hành hình phạt trực xuất.

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung.

- Quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án; quyết định đình chỉ thi hành án; giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án trong trường hợp người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

- Quyết định ân giảm hình phạt tử hình.

- Giấy chứng nhận đặc xá, đại xá.

- Quyết định xóa án tích.

- Giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích.

- Trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Quyết định của Tòa án Việt Nam về việc dẫn độ để thi hành án tại Việt Nam; quyết định của Tòa án Việt Nam về việc tiếp nhận chuyển giao

người đang chấp hành hình phạt tù; thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành hình phạt tù.

- Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ người bị kết án, quyết định chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Câu hỏi 32. Nhiệm vụ của Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 16 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nhiệm vụ của Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác lập từ các nguồn sau đây:

- Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở các văn bản sau đây:

+ Trích lục bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, trích lục bản án hình sự phúc thẩm;

+ Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự;

+ Quyết định ân giảm hình phạt tử hình;

+ Quyết định thi hành án hình sự;

+ Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù;

+ Quyết định xóa án tích;

+ Giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích.
- Tòa án đã ra quyết định có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở các quyết định sau đây:

+ Quyết định miễn chấp hành hình phạt;
+ Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt;

+ Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù;

+ Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

+ Quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù quy định tại khoản 17 Điều 15 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Thời hạn gửi trích lục bản án, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 là 10 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

- Nội dung trích lục bản án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 bao gồm:

+ Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi thường trú hoặc tạm trú, họ, tên cha, mẹ, vợ, chồng của người bị kết án;

+ Ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật

được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí.

- Đối với các quyết định, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì gửi bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận.

Nhằm cụ thể hóa các quy định trên của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10-5-2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) đã hướng dẫn nhiệm vụ của Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích như sau:

- Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở.

- Trường hợp bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án

nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Tòa án đã ra các quyết định sau đây có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở:

+ Quyết định thi hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ;

+ Quyết định thi hành án phạt trục xuất trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt trục xuất;

+ Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù mà được hoãn thi hành án;

+ Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù nhưng được tạm đình chỉ thi hành án;

+ Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ;

+ Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế;

+ Quyết định giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ;

+ Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo trong trường hợp người bị kết án được rút ngắn thời gian thử thách án treo;

+ Quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù chết;

+ Quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chết;

+ Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp người bị kết án được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Tòa án đã ra quyết định xóa án tích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình có

nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở. Trường hợp người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước quyết định ân giảm án tử hình thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Tòa án đã ra quyết định tiếp nhận chuyển giao, quyết định thi hành án, quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Tòa án đã ra quyết định chuyển giao cho người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

- Thời hạn gửi trích lục bản án hình sự, bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 8 được thực hiện như sau:

- + Thời hạn gửi các văn bản quy định tại khoản 1, 2, các điểm i, k, l khoản 3 và các khoản 4, 5, 7 và khoản 8 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Đối với bản án phạt cảnh cáo thì thời hạn gửi trích lục bản án hoặc bản án là 07 ngày làm việc,

kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

+ Thời hạn gửi các quyết định quy định tại các điểm a, c, đ, e, g, h khoản 3 và tại khoản 6 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

+ Các quyết định quy định tại các điểm b, d khoản 3 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP được gửi ngay sau khi ra quyết định.

Thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã do Tòa án cung cấp được quy định tại Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP như sau: Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở quyết định tuyên bố phá sản hoặc trích lục quyết định tuyên bố phá sản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Câu hỏi 33. Nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc cung cấp thông

tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm của các đầu mối cung cấp thông tin thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được quy định cụ thể ra sao?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 17 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia bản sao trích lục bản án, trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được trích lục bản án, trích lục án tích.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên, Điều 15 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã xác định trách nhiệm cụ thể của đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích của Viện kiểm sát nhân dân tối cao như sau:

- Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trích lục bản án, trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trích lục bản án, trích lục án tích.

- Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm

vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Viện kiểm sát đó có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Câu hỏi 34. Nhiệm vụ của cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của cơ quan Công an được quy định cụ thể ra sao?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 18 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nhiệm vụ của cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định cụ thể như sau:

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

- Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ gửi thông báo về việc thi hành hình phạt trực xuất cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thi hành hình phạt.

- Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ gửi thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ người bị kết án, quyết định chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thi hành quyết định.

- Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ gửi thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành hình phạt tù cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 16 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã xác định cụ thể trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích do cơ quan Công an cung cấp như sau:

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc

xá, đại xá trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

- Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có nhiệm vụ gửi thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao cho người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam, quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành quyết định hoặc kể từ ngày nhận được thông báo.

- Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia văn bản thông báo về việc thi hành án phạt trực xuất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong án phạt trực xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật thi hành án hình sự năm 2010.

- Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau đây:

+ Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo

quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 3 Điều 73 Luật thi hành án hình sự năm 2010;

+ Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp nơi Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 3 Điều 89, khoản 5 Điều 103 và khoản 5 Điều 107 Luật thi hành án hình sự năm 2010.

Câu hỏi 35. Nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án được pháp luật quy định cụ thể ra sao?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định cụ thể như sau:

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong

hình phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

- Cơ quan thi hành án quân khu và tương đương có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận, văn bản thông báo quy định tại khoản 11 Điều 15 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cấp giấy xác nhận hoặc kể từ ngày người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã xác định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án như sau:

- Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị kết án là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ phối hợp với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và những người được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH ngày 04-11-2002 về việc tổ chức Tòa án quân sự (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH) được thực hiện như sau:

+ Trường hợp Tòa án quân sự xét xử vụ án hoặc ra quyết định hoặc nhận được bản án, quyết định quy định tại khoản 1, 2, các điểm từ điểm a đến điểm đ, các điểm từ điểm g đến điểm l khoản 3 và các khoản từ khoản 4 đến khoản 6 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì Tòa án đó có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, quyết định, giấy chứng nhận;

+ Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với người đã bị Tòa án quân sự xét xử có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Tòa án quân sự Trung ương;

+ Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá;

+ Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo;

+ Phòng thi hành án cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương quyết

định thi hành án hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có). Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì Cơ quan thi hành án cấp quân khu thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) cho Tòa án quân sự Trung ương;

+ Thời hạn gửi trích lục bản án hình sự, bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Thời hạn gửi quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy chứng nhận hoặc kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự;

+ Sau khi người bị kết án đã chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá mà không tiếp tục phục vụ trong Quân đội nữa thì Tòa án quân sự

Trung ương có nhiệm vụ gửi toàn bộ thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá.

- Trường hợp người bị Tòa án quân sự kết án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH thì Tòa án quân sự Trung ương có nhiệm vụ gửi toàn bộ thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Câu hỏi 36. Nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm của các đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Cơ quan thi hành án dân sự được quy định cụ thể ra sao?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 20 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Cơ quan thi hành án dân sự có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận, văn bản thông báo quy định tại khoản 11 Điều 15 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 cho Sở Tư pháp nơi cơ

quan đó có trụ sở trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cấp giấy xác nhận hoặc kể từ ngày người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã xác định cụ thể trách nhiệm của Cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như sau:

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận đó cho Sở Tư pháp nơi Cơ quan thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

- Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) cho Sở Tư pháp nơi Cơ quan thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án

đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

Câu hỏi 37. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức khác trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 21 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận cho Sở Tư pháp nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Câu hỏi 38. Việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Khi nhận được thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan có liên quan cung cấp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản khác có liên quan, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp thực hiện tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2

Điều 3 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Sau khi tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp thực hiện ghi vào Sổ tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp điện tử thì có trách nhiệm sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để xác thực thông tin được cung cấp chính xác, toàn vẹn và đúng thẩm quyền. Trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp điện tử nhưng không sử dụng chữ ký số thì phải có thông tin về người gửi và bảo đảm tính chính xác, đúng thẩm quyền và sự toàn vẹn của thông tin.

Câu hỏi 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 22 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định cụ thể như sau:

- Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp về án tích do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an và Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng cung cấp. Việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về án tích phải được ghi vào sổ tiếp nhận theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

- Gửi bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo do cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và Điều 19 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 cho Sở Tư pháp nơi người bị kết án thường trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì gửi cho Sở Tư pháp nơi người đó tạm trú trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo.

Câu hỏi 40. Việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia được quy định cụ thể như sau:

như sau:

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cung cấp:

- + Trường hợp lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót thông tin như: mã số lý lịch tư pháp, số bản án, ngày, tháng, năm tuyên án hoặc ngày, tháng, năm ra quyết định, Tòa án đã tuyên án hoặc Tòa án đã ra quyết định, họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú hoặc các thông tin khác của người có lý lịch tư pháp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia yêu cầu Sở Tư pháp đã cung cấp thông tin thực hiện bổ sung, đính chính;

- + Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án hình sự phúc thẩm nhưng không có thông tin của bản án hình sự sơ thẩm thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, cập nhật thông tin của bản án sơ thẩm vào lý lịch tư pháp đã lập và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đã bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

- + Đối với bản lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp lập sai thẩm quyền, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nhiệm vụ sau đây:

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập đối với người bị kết án cư trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia yêu cầu Sở Tư pháp đã lập lý lịch tư pháp thực hiện gửi thông tin lý lịch tư pháp của

người bị kết án cho Sở Tư pháp, nơi người đó cư trú để lập lý lịch tư pháp.

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập đối với người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia yêu cầu Sở Tư pháp gửi thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để lập lý lịch tư pháp.

Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp đã lập lý lịch tư pháp sai thẩm quyền để Sở Tư pháp tiến hành hủy mã số lý lịch tư pháp của bản lý lịch tư pháp đó. Mã số lý lịch tư pháp đã hủy được dùng cho bản lý lịch tư pháp được lập mới.

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan Công an, Tòa án quân sự Trung ương cung cấp

Đối với thông tin lý lịch tư pháp do trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tòa án quân sự Trung ương cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành phân loại theo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi người bị kết án cư trú để thực hiện cung cấp cho các Sở Tư pháp.

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp

Đối với thông tin lý lịch tư pháp của người Việt

Nam phạm tội ở nước ngoài do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện thủ tục dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật.

Đối với quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành phân loại theo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi người bị kết án cư trú để thực hiện cung cấp cho các Sở Tư pháp.

- Sau khi kiểm tra, phân loại các thông tin nhận được, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện sao gửi các quyết định, giấy chứng nhận cho Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP. Trường hợp cung cấp nhiều thông tin lý lịch tư pháp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi kèm theo danh sách thông tin được cung cấp. Danh sách thông tin cần ghi rõ họ tên, loại thông tin, số văn bản, mã số lý lịch tư pháp (nếu có).

- Đối với thông tin lý lịch tư pháp của người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú do Sở Tư pháp, cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch

tư pháp theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP hoặc thực hiện cập nhật thông tin bổ sung vào lý lịch tư pháp đã được lập theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 23 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định cụ thể như sau:

- Sở Tư pháp có nhiệm vụ tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp về án tích do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Trường hợp người bị kết án thường trú ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Sở Tư pháp nơi người đó thường trú trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin; trường hợp không xác định được nơi thường trú của người bị kết án thì gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp nơi người đó tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường

trú hoặc nơi tạm trú của người bị kết án thì Sở Tư pháp gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Sở Tư pháp phải được ghi vào sổ tiếp nhận theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Câu hỏi 42. Việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Sở Tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Sở Tư pháp được quy định chi tiết như sau:

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án dân sự cung cấp:

+ Trường hợp người bị kết án thường trú hoặc không có nơi thường trú nhưng tạm trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi Sở Tư pháp có trụ sở thì Sở Tư pháp nơi nhận được thông tin thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 11 hoặc cập nhật bổ sung thông tin vào lý lịch tư pháp đã được lập theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP;

+ Trường hợp người bị kết án cư trú ở tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương khác, bao gồm cả trường hợp tạm trú tại địa phương nhưng vẫn còn hộ khẩu thường trú ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Tư pháp đã nhận được thông tin có nhiệm vụ gửi bản án, trích lục bản án và các quyết định, giấy chứng nhận có liên quan đến quá trình thi hành án cho Sở Tư pháp, nơi người đó thường trú;

+ Trường hợp người bị kết án không có nơi cư trú, bao gồm cả người nước ngoài mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú tại Việt Nam, Sở Tư pháp đã nhận được thông tin có nhiệm vụ gửi bản án, trích lục bản án hoặc quyết định có liên quan đến quá trình thi hành án đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

+ Trường hợp bản án, quyết định có nhiều bị cáo thường trú hoặc tạm trú ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau, Sở Tư pháp đã nhận được thông tin thực hiện thủ tục sao bản án, trích lục bản án, quyết định và gửi bản sao đó cho Sở Tư pháp, nơi người bị kết án thường trú hoặc tạm trú.

Bản sao bản án, quyết định bao gồm: bản sao y bản chính, bản sao lục hoặc bản trích sao theo quy định tại Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08-4-2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

+ Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến tình trạng thi hành án của người đã bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản

án có hiệu lực pháp luật trước ngày 01-7-2010 như quyết định thi hành án, quyết định xóa án tích, giấy chứng nhận xóa án tích hoặc các thông tin khác có liên quan thì Sở Tư pháp nơi có thẩm quyền lập lý lịch tư pháp đề nghị Tòa án có thẩm quyền cung cấp bản án đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp khác cung cấp:

Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người bị kết án thường trú hoặc tạm trú tại địa phương do các Sở Tư pháp khác gửi đến, Sở Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 hoặc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

- Kiểm tra, phân loại thông tin lý lịch tư pháp do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp:

+ Trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến tình trạng thi hành án của người đã bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật trước ngày 01-7-2010 như giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá hoặc các quyết định, giấy chứng nhận khác thì Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung cấp bản án đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số

04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP để lập lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp bổ sung của người đã có lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp thực hiện cập nhật thông tin bổ sung vào lý lịch tư pháp đã được lập theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

- Trường hợp cung cấp nhiều thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thì Sở Tư pháp gửi kèm theo danh sách các thông tin đó. Danh sách thông tin cần ghi rõ họ tên, loại thông tin, số văn bản, mã số lý lịch tư pháp (nếu có).

Câu hỏi 43. Việc bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 24 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì việc bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đề nghị cơ quan, tổ chức đã cung cấp thông tin bổ sung, đính chính.

- Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc

phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bổ sung, đính chính.

- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có nhiệm vụ cung cấp thông tin đã được bổ sung, đính chính theo quy định tại khoản 2 Điều 22 và khoản 1 Điều 23 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin bổ sung, đính chính.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 17 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP đã quy định cụ thể về ghi chép, sửa chữa, đính chính thông tin trong biểu mẫu, sổ lý lịch tư pháp như sau:

- Nội dung ghi trong các biểu mẫu và sổ lý lịch tư pháp phải chính xác, rõ ràng, viết cùng một loại mực, màu đen, không tẩy xóa.

- Trường hợp có sai sót khi ghi chép hoặc in ấn nội dung trong Phiếu lý lịch tư pháp thì hủy bỏ và ghi lại hoặc in ấn lại Phiếu lý lịch tư pháp đó.

- Trường hợp sửa chữa, đính chính nội dung trong lý lịch tư pháp phải được sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền. Sau khi được phê duyệt, cán bộ được giao nhiệm vụ cập nhật, xử lý

thông tin tiến hành gạch bỏ phần sai sót, ghi rõ nội dung đã sửa chữa, đính chính, ký và ghi rõ họ tên người sửa chữa, đính chính vào cột “người cập nhật”.

Trường hợp có sai sót về nội dung trong sổ lý lịch tư pháp thì phải gạch bỏ phần sai sót, ghi rõ nội dung đã sửa chữa vào phần ghi chú, ký, ghi rõ họ tên người đã sửa chữa và có xác nhận của người phụ trách bộ phận đó.

- Nghiêm cấm việc tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung thông tin đã ghi trong biểu mẫu và sổ lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 44. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 25 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thông tin lý lịch tư pháp về án tích được gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc mạng internet, mạng máy tính.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên, tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã hướng dẫn một cách cụ thể về hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như sau:

- Thông tin lý lịch tư pháp được gửi dưới một trong các hình thức sau:

+ Trích lục bản án hình sự theo mẫu ban hành

kèm theo Thông tư liên tịch này (sau đây gọi là trích lục bản án hình sự) hoặc bản chính hoặc bản sao bản án;

- + Bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo;

- + Văn bản định dạng PDF (có chữ ký và con dấu) trong trường hợp cung cấp qua mạng máy tính. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính phải bảo đảm tính bảo mật, an toàn, chính xác của thông tin;

- + Đối với thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, ngoài hình thức nêu tại điểm b, c khoản này, có thể được gửi dưới hình thức công văn trả lời.

- Thông tin lý lịch tư pháp được gửi bằng một trong các phương thức như trực tiếp, qua bưu điện, mạng máy tính, cụ thể:

- + Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi trực tiếp thì bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, làm thủ tục ký nhận giữa bên tiếp nhận và bên gửi thông tin. Sau khi làm thủ tục ký nhận, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm đăng ký sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu tên văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày ký nhận văn bản là ngày Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

- + Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi

qua bưu điện thì bộ phận tiếp nhận phải vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày nhận được văn bản theo dấu bưu điện chuyển đến là ngày Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp qua mạng máy tính thì các cơ quan có liên quan phải có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan mình hoặc của bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính chỉ được thực hiện sau khi Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp thông báo cho các cơ quan có liên quan địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin.

Sau khi nhận được thông tin, bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký nhận vào sổ và thông báo cho cơ quan, đơn vị đã cung cấp thông tin.

Câu hỏi 45. Việc phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để xây dựng cơ sở dữ

liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì việc phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01-7-2010 cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp theo quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009;

- Trong trường hợp cần có thêm thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01-7-2010 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đối với người bị kết án quy định tại khoản 2 và 3 Điều 8 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cung cấp bản sao bản án đối với người bị kết án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin về việc chấp hành xong hình phạt, đặc xá, đại xá, thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản và các quyết định dân sự trong bản án hình sự đối với người bị kết án.

Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án dân sự, các cơ

quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên, tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã quy định:

- Trường hợp cần có thêm thông tin về tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, tình trạng thi hành án của người đã bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật trước ngày 01-7-2010 để lập lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 khoản 2, khoản 3 Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị sau đây tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cụ thể như sau:

+ Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cung cấp bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; trường hợp bản án được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao cung cấp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

+ Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự cung cấp quyết định thi hành án hình sự;

+ Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cung cấp thông tin về việc đặc xá;

+ Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh thực hiện cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trực xuất;

+ Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án; cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án liên quan đến thi hành phần dân sự trong bản án hình sự cung cấp thông tin về việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung này;

+ Tòa án quân sự Trung ương cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án.

- Trường hợp cần có thêm thông tin để lập lý lịch tư pháp đối với người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, khoản 2, khoản 3 Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Câu hỏi 46. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định thi hành án hình sự được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định chi tiết tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, Tòa án có nhiệm vụ gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị, cụ thể như sau:

- Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án

đã xét xử phúc thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi bản án hình sự hoặc trích lục bản án hình sự.

- Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự có nhiệm vụ gửi quyết định thi hành án hình sự.

Câu hỏi 47. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc đặc xá, thi hành án phạt trực xuất, thi hành án dân sự được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì, Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc đặc xá cho Trung tâm Lý lịch tư pháp hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP quy định: Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trực xuất cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-

BQP thì, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành; cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án liên quan đến thi hành phần dân sự trong bản án hình sự có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Câu hỏi 48. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số

quyền công dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Câu hỏi 49. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 10 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì, Tòa án quân sự Trung ương có nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Câu hỏi 50. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 11 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm

nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực pháp luật cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

B. LẬP LÝ LỊCH TƯ PHÁP, CẬP NHẬT, XỬ LÝ THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP VỀ ÁN TÍCH

Câu hỏi 51. Việc lập lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, việc lập lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Sở Tư pháp nơi người bị kết án thường trú lập lý lịch tư pháp của người đó; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì Sở Tư pháp nơi người bị kết án tạm trú lập lý lịch tư pháp.

Lý lịch tư pháp được lập thành hai bản, một bản do Sở Tư pháp quản lý, một bản được chuyển đến Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia lập và lưu giữ lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

- + Không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người bị kết án;

- + Người bị kết án được dẫn độ để thi hành án hoặc được chuyển giao để chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam;

+ Nhận được bản sao trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp theo quy định tại Điều 17 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nguồn thông tin lý lịch tư pháp về án tích quy định tại Điều 15 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Lý lịch tư pháp được lập riêng cho từng người bị kết án với các nội dung sau đây:

+ Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, họ, tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó;

+ Ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí, tình trạng thi hành án.

- Trường hợp một người bị kết án về nhiều tội và đã được tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì lý lịch tư pháp của người đó ghi rõ từng tội danh, điều khoản luật được áp dụng và hình phạt chung đối với các tội đó.

Từ quy định trên cho thấy, việc lập lý lịch tư pháp của một cá nhân, công dân thuộc thẩm quyền của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì lý lịch tư pháp chỉ được lập trên cơ sở bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, chỉ khi một người có bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật thì mới được lập lý lịch tư pháp của người đó.

Cụ thể hóa quy định này của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP đã quy định việc lập lý lịch tư pháp cụ thể như sau:

- Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án kể từ ngày 01-7-2010 được thực hiện như sau:

- + Sở Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trên cơ sở thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp;

- + Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trên cơ sở thông tin do Sở Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan cung cấp.

- Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án trước ngày 01-7-2010 được thực hiện như sau:

+ Trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 như quyết định thi hành án hình sự, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, đại xá, giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự hoặc các thông tin lý lịch tư pháp khác có liên quan đến người bị kết án, nhưng chưa nhận được bản án có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định, giấy chứng nhận đã nhận được và ghi rõ nguồn thông tin để lập lý lịch tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung cấp bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trên cơ sở bản án do Tòa án cung cấp, Sở Tư pháp thực hiện cập nhật bổ sung những thông tin còn thiếu vào lý lịch tư pháp đã được lập;

+ Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định, giấy

chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản này;

+ Trường hợp kết quả tra cứu, xác minh của cơ quan Công an, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng cho thấy người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp “có án tích”, nhưng trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp chưa có lý lịch tư pháp của người đó, thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp nơi thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiến hành lập lý lịch tư pháp trên cơ sở kết quả tra cứu, xác minh của cơ quan Công an, Tòa án. Đồng thời, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung cấp bản án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trên cơ sở bản án do Tòa án cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp thực hiện bổ sung những thông tin còn thiếu vào lý lịch tư pháp đã được lập.

- Việc lập lý lịch tư pháp trong trường hợp nhận được bản án phúc thẩm được thực hiện như sau:

+ Trường hợp bản án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, đồng thời cập nhật cả bản án xét xử phúc thẩm vào lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án phúc thẩm đồng thời, cập nhật cả bản án xét xử sơ thẩm vào lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại thì Sở Tư pháp chưa lập lý lịch tư pháp mà chờ bản án có hiệu lực pháp luật để lập lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án thì Sở Tư pháp không lập lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp nhận được quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật;

+ Mã số bản án của bản án hình sự sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị cập nhật trong lý lịch tư pháp được sử dụng theo mã số của bản án hình sự phúc thẩm, thêm ký hiệu ST.

Ví dụ: Bản án hình sự phúc thẩm có mã số bản án trong lý lịch tư pháp là 31HM2011/00001/01 thì bản án hình sự sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị có mã số bản án là 31HM2011/00001/01ST.

- Trường hợp nhận được bản án tuyên án tử hình nhưng chưa nhận được quyết định thi hành bản án hoặc quyết định thi hành án tử hình do Tòa án cung cấp thì Sở Tư pháp tiến hành lập lý

lịch tư pháp của người bị kết án.

- Trường hợp nhận được bản án xét xử phúc thẩm, bản án tuyên án tử hình đối với người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc tạm trú thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp không lập lý lịch tư pháp của người bị kết án trong những trường hợp sau đây:

- Nhận được quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù chết, thông báo phạm nhân chết nhưng chưa nhận được bản án hoặc các quyết định, giấy chứng nhận khác có liên quan đến án tích của người đó.

- Nhận được bản án có hiệu lực pháp luật tuyên bị cáo vô tội hoặc tuyên miễn trách nhiệm hình sự.

- Nhận được quyết định thi hành bản án hoặc quyết định thi hành án tử hình nhưng chưa nhận được bản án hoặc các quyết định, giấy chứng nhận khác có liên quan đến án tích của người đó.

Câu hỏi 52. Việc gửi thông tin sau khi lập lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 10 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì, việc gửi thông tin sau khi lập lý lịch tư pháp được xác định cụ thể như sau:

- Sau khi lý lịch tư pháp được lập, Sở Tư pháp gửi một bản cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kèm theo công văn. Trường hợp Sở Tư pháp gửi nhiều bản lý lịch tư pháp thì gửi kèm theo danh sách lý lịch tư pháp ghi rõ họ, tên, mã số lý lịch tư pháp của người đó.

- Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia một bản lý lịch tư pháp có các nội dung: Phần I. “Thông tin về cá nhân”, Phần II. “Thông tin chung về án tích” và mục “Nội dung bản án” trong Phần III. “Thông tin về án tích”.

- Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia một bản lý lịch tư pháp có các nội dung: Phần I. “Thông tin về cá nhân” và Phần IV. “Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”.

- Lý lịch tư pháp được cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia dưới dạng văn bản giấy hoặc dưới dạng dữ liệu điện tử.

Lý lịch tư pháp được cung cấp dưới dạng dữ

liệu điện tử phải bảo đảm quy định về hình thức cung cấp tại khoản 2 Điều 8 và tiêu chuẩn của dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Lý lịch tư pháp được cung cấp dưới dạng văn bản giấy phải sử dụng giấy có chất lượng tốt, nội dung được in rõ ràng, được đóng dấu của Sở Tư pháp ở góc bên trái, phía trên, nơi ghi tên cơ quan lập lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp có nhiều tờ phải được đóng dấu giáp lai.

Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc lập lý lịch tư pháp.

Về việc gửi thông tin lý lịch tư pháp bổ sung, theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì:

- Trường hợp lý lịch tư pháp được cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 30, Điều 33 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP, căn cứ vào nội dung thông tin được cập nhật trong lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Trường hợp Sở Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư

pháp và đồng thời cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào lý lịch tư pháp đã lập thì Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia bản lý lịch tư pháp được lập đã có các thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật, không gửi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Trường hợp nhận được các quyết định, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và Điều 19 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi bản sao của các quyết định, giấy chứng nhận này cho Sở Tư pháp nơi người bị kết án cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền có thẩm quyền ký Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

- Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cung cấp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cung cấp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm quy định về hình thức cung cấp tại khoản 2 Điều 8 và tiêu chuẩn của dữ liệu lý lịch

tư pháp điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 53. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia lập và lưu giữ lý lịch tư pháp trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trên cơ sở thông tin do Sở Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan cung cấp. Cụ thể, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia lập và lưu giữ lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

- Không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người bị kết án;
- Người bị kết án được dẫn độ để thi hành án hoặc được chuyển giao để chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam;
- Nhận được bản sao trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp theo quy định tại Điều 17 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Câu hỏi 54. Theo quy định của pháp luật, lý lịch tư pháp được lập bao gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, lý lịch tư pháp được lập riêng cho từng người bị kết án với các nội dung sau đây:

- Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, họ, tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó;

- Ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí, tình trạng thi hành án.

Trường hợp một người bị kết án về nhiều tội và đã được tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự thì lý lịch tư pháp của người đó ghi rõ từng tội danh, điều khoản luật được áp dụng và hình phạt chung đối với các tội đó (khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009).

Câu hỏi 55. Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án trước và kể từ ngày 01-7-2010 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2010. Do vậy, việc lập lý lịch

tư pháp của cá nhân, công dân được lấy mốc từ ngày 01-7-2010 để phân định. Cụ thể:

- Theo Điều 10 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án kể từ ngày 01-7-2010 thì, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập Lý lịch tư pháp của những người bị Tòa án kết án kể từ ngày 01-7-2010 trên cơ sở thông tin lý lịch tư pháp về án tích do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Theo Điều 11 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định lập lý lịch tư pháp đối với người bị kết án trước ngày 01-7-2010 thì, trường hợp người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 nhưng từ ngày 01-7-2010, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp về án tích của người đó thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP để lập lý lịch tư pháp của người bị kết án. Sau khi nhận được bản sao bản án, các thông tin khác do Tòa án và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư

pháp lập lý lịch tư pháp của người bị kết án.

- Theo Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị kết án trước ngày 01-7-2010 và đã được Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì:

+ Người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 nhưng từ ngày 01-07-2010, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin về tình trạng án tích của người đó do cơ quan Công an, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng cung cấp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nơi thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiến hành lập lý lịch tư pháp của người đó;

+ Trong trường hợp cần có thêm thông tin về án tích của người bị kết án để lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP đã hướng dẫn cụ thể việc lập lý lịch tư pháp như sau:

- Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án kể từ ngày 01-7-2010 được thực hiện như sau:

+ Sở Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trên cơ sở thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp;

+ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 trên cơ sở thông tin do Sở Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan cung cấp.

- Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án trước ngày 01-7-2010 được thực hiện như sau:

+ Trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 như quyết định thi hành án hình sự, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, đại xá, giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự hoặc các thông tin lý lịch tư pháp khác có liên quan đến người bị kết án, nhưng chưa nhận được bản án có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định, giấy chứng nhận đã nhận được và ghi rõ nguồn thông tin để lập lý lịch tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung

cấp bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 04/2012/TTTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trên cơ sở bản án do Tòa án cung cấp, Sở Tư pháp thực hiện cập nhật bổ sung những thông tin còn thiếu vào lý lịch tư pháp đã được lập;

+ Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia nhận được thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án Việt Nam kết án trước ngày 01-7-2010 mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định, giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP;

+ Trường hợp kết quả tra cứu, xác minh của cơ quan Công an, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng cho thấy người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp “có án tích”, nhưng trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp chưa có lý lịch tư pháp của người đó, thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp nơi thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiến hành lập lý lịch tư pháp trên cơ sở kết quả tra cứu, xác minh của cơ quan Công an, Tòa án. Đồng thời, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung cấp bản án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trên cơ sở bản

án do Tòa án cung cấp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp thực hiện bổ sung những thông tin còn thiếu vào lý lịch tư pháp đã được lập.

- Việc lập lý lịch tư pháp trong trường hợp nhận được bản án phúc thẩm được thực hiện như sau:

+ Trường hợp bản án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, đồng thời cập nhật cả bản án xét xử phúc thẩm vào lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án phúc thẩm đồng thời cập nhật cả bản án xét xử sơ thẩm vào lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại thì Sở Tư pháp chưa lập lý lịch tư pháp mà chờ bản án có hiệu lực pháp luật để lập lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án thì Sở Tư pháp không lập lý lịch tư pháp;

+ Trường hợp nhận được quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì Sở Tư pháp lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật;

+ Mã số bản án của bản án hình sự sơ thẩm có

kháng cáo, kháng nghị cập nhật trong lý lịch tư pháp được sử dụng theo mã số của bản án hình sự phúc thẩm, thêm ký hiệu ST.

Ví dụ: Bản án hình sự phúc thẩm có mã số bản án trong lý lịch tư pháp là 31HM2011/00001/01 thì bản án hình sự sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị có mã số bản án là 31HM2011/00001/01ST.

- Trường hợp nhận được bản án tuyên án tử hình nhưng chưa nhận được quyết định thi hành bản án hoặc quyết định thi hành án tử hình do Tòa án cung cấp thì Sở Tư pháp tiến hành lập lý lịch tư pháp của người bị kết án.

- Trường hợp nhận được bản án xét xử phúc thẩm, bản án tuyên án tử hình đối với người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc tạm trú thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Thông số 06/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 56. Việc lập mã số lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 5 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP, việc lập mã số lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Về nguyên tắc lập mã số lý lịch tư pháp:

+ Mã số lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở

Bảng mã lý lịch tư pháp của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP (Phụ lục số 01);

- + Trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, mỗi người chỉ có duy nhất một mã số lý lịch tư pháp;

- + Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sử dụng chính mã số lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp lập để lưu trữ và quản lý lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Về cách lập mã số lý lịch tư pháp:

- + Mã số lý lịch tư pháp bao gồm: mã lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp, năm lập lý lịch tư pháp, số thứ tự lập lý lịch tư pháp;

- + Mã lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp được quy định trong Bảng mã Lý lịch tư pháp của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- + Số thứ tự lập lý lịch tư pháp gồm 05 chữ số, bắt đầu từ số 00001. Số thứ tự này sẽ quay vòng theo từng năm (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). Sau một năm, số thứ tự sẽ trở về 00001.

Ví dụ: Mã số lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A được lập: 25HN2013/00001, trong đó:

- “25HN” là mã lý lịch tư pháp thuộc thẩm

quyền lập của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

- “2013” là năm lập lý lịch tư pháp cho Nguyễn Văn A;

- “00001” là số thứ tự lập lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A.

- Về cách lập mã số bản án:

Mã số bản án được lập theo mã số lý lịch tư pháp và thêm thứ tự cập nhật bản án.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có mã số lý lịch tư pháp là 25HN2013/00001, bản án đầu tiên được cập nhật trong lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A có mã số là 25HN2013/00001/01, tương tự bản án tiếp theo nếu được cập nhật có mã số là 25HN2013/00001/02.

Đối với lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án hình sự phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì mã số bản án được lập như sau:

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì mã số bản án xét xử phúc thẩm cập nhật trong lý lịch tư pháp sử dụng theo mã số của bản án xét xử sơ thẩm, thêm ký hiệu PT.

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án phúc thẩm theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì mã số của bản án xét xử sơ thẩm cập nhật trong lý

lịch tư pháp được sử dụng theo mã số của bản án xét xử phúc thẩm, thêm ký hiệu ST.

Bảng mã cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BT (Từ ngày 10-01-2014 áp dụng theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11-11-2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) cụ thể như sau:

1. Mã Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: **01TT**

2. Mã của 63 Sở Tư pháp:

Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp	Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp
02AG	An Giang	20ĐN	Đồng Nai
03BR	Bà Rịa - Vũng Tàu	21ĐT	Đồng Tháp
04BL	Bạc Liêu	22GL	Gia Lai
05BC	Bắc Kạn	23HG	Hà Giang
06BG	Bắc Giang	24HN	Hà Nam
07BN	Bắc Ninh	25HN	Hà Nội
08BT	Bến Tre	26HT	Hà Tĩnh
09BD	Bình Dương	27HD	Hải Dương
10BĐ	Bình Định	28HP	Hải Phòng
11BP	Bình Phước	29HG	Hậu Giang
12BT	Bình Thuận	30HB	Hoà Bình
13CM	Cà Mau	31HM	TP. Hồ Chí Minh
14CB	Cao Bằng	32HY	Hưng Yên

15CT	Cần Thơ	33KH	Khánh Hoà
16ĐN	Đà Nẵng	34KG	Kiên Giang
17ĐL	Đắk Lắk	35KT	Kon Tum
18ĐN	Đắk Nông	36LC	Lai Châu
19ĐB	Điện Biên	37LĐ	Lâm Đồng
38LS	Lạng Sơn	52ST	Sóc Trăng
39LC	Lào Cai	53SL	Sơn La
40LA	Long An	54TN	Tây Ninh
41NĐ	Nam Định	55TB	Thái Bình
42NA	Nghệ An	56TN	Thái Nguyên
43NB	Ninh Bình	57TH	Thanh Hoá
44NT	Ninh Thuận	58TH	Thừa Thiên - Huế
45PT	Phú Thọ	59TG	Tiền Giang
46PY	Phú Yên	60TV	Trà Vinh
47QB	Quảng Bình	61TQ	Tuyên Quang
48QN	Quảng Nam	62VL	Vĩnh Long
49QN	Quảng Ngãi	63VP	Vĩnh Phúc
50QN	Quảng Ninh	64YB	Yên Bái
51QT	Quảng Trị		

- Về cách ghi mã số lý lịch tư pháp qua các lần cập nhật:

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì:

- Thông tin về cá nhân trong lý lịch tư pháp bao gồm:

+ Thông tin về nhân thân của người có lý lịch tư pháp được cập nhật vào các mục tương ứng trong lý lịch tư pháp của người đó;

+ Thông tin về thay đổi, cải chính hộ tịch, thông tin về chứng tử, thông tin về việc cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của người có lý lịch tư pháp được cập nhật vào mục Ghi chú trong phần Thông tin về cá nhân.

- Thông tin chung về án tích trong lý lịch tư pháp là thông tin tóm tắt về các bản án được cập nhật trong lý lịch tư pháp và ghi theo thứ tự thời gian cập nhật bản án đó.

+ Mã số bản án được cập nhật tại phần thông tin chung về án tích theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP;

+ Thời điểm được xóa án tích cập nhật trong các trường hợp nhận được quyết định xóa án tích của Tòa án, giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án hoặc có kết quả xác minh đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

- Kết quả Giám đốc thẩm/Tái thẩm:

Trường hợp giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì ghi “Giữ nguyên bản án, quyết định”;

Trường hợp hủy bỏ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì ghi “Hủy bản án, quyết định”.

- Thông tin chung về án tích là thông tin tóm tắt về các bản án được cập nhật trong lý lịch tư pháp và ghi theo thứ tự thời gian nhận được trích lục bản án hoặc bản án.

- Mã số bản án được lập gồm mã số lý lịch tư pháp/số thứ tự cập nhật bản án tại phần Thông tin chung về án tích.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có mã số lý lịch tư pháp là 25HN2010/00001, bản án đầu tiên được cập nhật trong lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A có mã số là 25HN2010/00001/01, tương tự bản án tiếp theo nếu được cập nhật có mã số là 25HN2010/00001/02.

Câu hỏi 57. Việc ghi thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 7 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì việc ghi thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Thông tin về án tích là nội dung của từng bản án đã được đánh mã số ở Phần II. “Thông tin chung về án tích”. Mỗi bản án được cập nhật có 04 phần chính bao gồm:

+ Nội dung bản án;

+ Tình trạng thi hành án: cập nhật nội dung

của các quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo (sau đây gọi chung là quyết định, giấy chứng nhận) liên quan đến quá trình thi hành bản án;

+ Giám đốc thẩm/Tái thẩm: cập nhật nội dung của 02 loại quyết định.

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nhiều bản án, quyết định thì thông tin về bản án, quyết định bị hủy theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm được xử lý theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP;

+ Xóa án tích: cập nhật nội dung của quyết định xóa án tích, giấy chứng nhận xóa án tích và kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

- Trường hợp người bị kết án có nhiều án tích thì cập nhật các án tích đó theo thứ tự thời gian nhận được thông tin lý lịch tư pháp.

- Thông tin lý lịch tư pháp được cập nhật trong phần Tình trạng thi hành án bao gồm những thông tin sau:

+ Thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan cung cấp theo quy định tại Điều 15 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP được cập nhật vào các mục tương ứng trong phần Tình trạng thi hành án;

+ Trường hợp nhận được quyết định thi hành án phạt tù có thời hạn, án phạt tù cho hưởng án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt tử hình, án phạt chung thân, án phạt trục xuất; quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm; quyết định ủy thác thi hành án hình sự; quyết định đình chỉ việc thi hành án phạt tù thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin vào mục “Quyết định thi hành bản án hình sự” trong phần Tình trạng thi hành án.

Trường hợp nhận được quyết định ủy thác thi hành án dân sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin vào mục “Quyết định thi hành án phạt tiền, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác” trong phần Tình trạng thi hành án;

+ Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp bổ sung khác trong quá trình thi hành án của người có lý lịch tư pháp như quyết định tổng hợp hình phạt; quyết định thu hồi quyết định về thi hành án; thông báo về việc phạm nhân chết thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin đó vào mục “Quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo khác” trong phần Tình trạng thi hành án.

- Cập nhật mục Xóa án tích:

+ Trường hợp nhận được Giấy chứng nhận xóa án tích, Quyết định xóa án tích thì cơ quan quản

lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật nội dung của giấy chứng nhận hoặc quyết định đó vào các mục tương ứng, mục nội dung chứng nhận hoặc quyết định ghi rõ “đã được xóa án tích kể từ ngày tháng năm .”;

+ Trường hợp thực hiện xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật nội dung Kết quả xác minh trong mục Xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích như sau:

Nếu người bị kết án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì ghi là “đã được xóa án tích”.

Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì ghi là “có án tích”.

Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì chưa cập nhật thông tin về đương nhiên được xóa án tích trong lý lịch tư pháp của người đó mà chờ kết quả xét xử của Tòa án.

- Thông tin về án tích là nội dung của từng bản án đã được đánh mã số ở Phần I. “Thông tin chung”. Mỗi bản án được cập nhật có 04 phần chính bao gồm:

+ Nội dung bản án;

+ Tình trạng thi hành bản án: cập nhật nội dung của các quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo (sau đây gọi chung

là quyết định, giấy chứng nhận) liên quan đến quá trình thi hành bản án;

- + Giám đốc thẩm/Tái thẩm: cập nhật nội dung của 02 loại quyết định;

- + Xoá án tích: cập nhật nội dung của quyết định xóa án tích, giấy chứng nhận xoá án tích và kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xoá án tích.

- Việc cập nhật nội dung mục “Tình trạng thi hành bản án” được quy định như sau:

- + Mục Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn/ phạt cải tạo không giam giữ: chỉ cập nhật 01 trong 02 loại quyết định;

- + Mục Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/ án phạt cải tạo không giam giữ/ thời gian thử thách án treo: chỉ cập nhật 01 trong 03 loại giấy chứng nhận;

- + Mục Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế: cập nhật 01 hoặc cả 02 loại quyết định;

- + Mục Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù/ án phạt cải tạo không giam giữ; Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước và mục Giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự: có thể được cập nhật nhiều lần.

- Việc ghi nội dung Kết quả xác minh trong mục “Xác minh điều kiện đương nhiên được xóa

án tích” được quy định như sau:

+ Nếu người bị kết án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì ghi là “đã được xóa án tích”;

+ Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì ghi là “có án tích”;

+ Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì chưa cập nhật thông tin về đương nhiên xóa án tích trong lý lịch tư pháp của người đó mà chờ kết quả xét xử của Tòa án.

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật các quyết định, giấy chứng nhận theo quy định tại các điểm trên khi nhận được các quyết định, giấy chứng nhận đó hoặc văn bản chứa đựng thông tin liên quan đến các quyết định, giấy chứng nhận đó do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Câu hỏi 58. Việc ghi thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp đối với trường hợp một người có nhiều bản án được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 13/2011/TT-BTP, trường hợp lý lịch tư pháp của một người đã được lập mà sau đó bị kết án bằng

bản án khác thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ghi mã số bản án đó vào Phần II. “Thông tin chung”, cập nhật thông tin của bản án đó vào mục “Nội dung bản án”. Mục “Tình trạng thi hành bản án” được cập nhật tương tự như cách ghi thông tin của bản án đầu tiên.

Câu hỏi 59. Việc ghi thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 13/2011/TT-BTP, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được ghi theo thứ tự thời gian cập nhật thông tin. Nội dung thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã ghi theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Câu hỏi 60. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 27 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 quy

định trong trường hợp Lý lịch tư pháp của một người đã được lập, sau đó, có quyết định của Tòa án về miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì Sở Tư pháp cập nhật các thông tin này vào lý lịch tư pháp của người đó.

Các trường hợp miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được quy định tại Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt và Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 và Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Câu hỏi 61. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 28 Luật lý lịch tư pháp năm 2009,

việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm được quy định cụ thể như sau:

- Đối với quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp ghi nội dung quyết định đó vào lý lịch tư pháp.

- Đối với quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp cập nhật thông tin lý lịch tư pháp như sau:

- + Trường hợp lý lịch tư pháp chỉ được lập trên cơ sở bản án, quyết định bị huỷ thì lý lịch tư pháp được xóa bỏ trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- + Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nhiều bản án, quyết định thì thông tin về bản án, quyết định bị huỷ trong lý lịch tư pháp được xóa bỏ.

(Xem thêm nội dung của Câu hỏi 49)

Câu hỏi 62. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với những bản án tiếp theo được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 29 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, trường hợp lý lịch tư pháp của một người đã được lập mà sau đó bị kết án bằng bản

án khác thì Sở Tư pháp bổ sung những thông tin của bản án tiếp theo vào lý lịch tư pháp của người đó.

Sau khi cập nhật xong thông tin, Sở Tư pháp phải gửi một bản cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để cập nhật.

Cụ thể hóa quy định này của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 13 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP đã hướng dẫn cụ thể việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung như sau:

- Sở Tư pháp thực hiện cập nhật thông tin bổ sung vào lý lịch tư pháp đã lập trên cơ sở các thông tin lý lịch tư pháp nhận được, cụ thể như sau:

- + Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 16, Điều 20, Điều 21, khoản 2 Điều 22 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Điều 13, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP và các thông tin lý lịch tư pháp khác do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp, Sở Tư pháp thực hiện cập nhật thông tin bổ sung vào lý lịch tư pháp đã được lập theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 30 và Điều 33 Luật lý lịch tư pháp năm 2009;

- + Trường hợp bản án có thông tin về tiền án của người bị kết án và nội dung của tiền án chưa có trong lý lịch tư pháp của người đó, Sở Tư pháp

thực hiện cập nhật bổ sung thông tin của tiền án như một bản án tiếp theo vào lý lịch tư pháp của người đó và ghi chú rõ là tiền án trong bản án nào. Đồng thời, Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử vụ án cung cấp bản án có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trên cơ sở bản án do Tòa án cung cấp, Sở Tư pháp thực hiện bổ sung những thông tin còn thiếu vào lý lịch tư pháp của người bị kết án;

+ Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP, Sở Tư pháp bổ sung những thông tin còn thiếu của bản án hình sự phúc thẩm vào lý lịch tư pháp của người bị kết án khi nhận được bản án hình sự sơ thẩm;

+ Trường hợp nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, Sở Tư pháp thực hiện cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp như sau:

Đối với quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp ghi nội dung quyết định đó vào lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

Đối với quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và lý lịch tư pháp của người bị kết án chỉ được lập trên cơ sở bản án hoặc quyết định bị hủy thì lý lịch tư pháp của người đó được xóa bỏ trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp căn cứ vào quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để xem xét, quyết định tiêu hủy hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy và xóa bỏ dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử của người đó theo quy định tại Điều 24 và khoản 2, khoản 3 Điều 26 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

Trường hợp lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nhiều bản án, quyết định thì thông tin về bản án, quyết định bị hủy trong lý lịch tư pháp bằng giấy được gạch chéo và ghi rõ “xóa bỏ theo quyết định giám đốc thẩm” hoặc “xóa bỏ theo quyết định tái thẩm”; đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử thì được xóa bỏ và ghi rõ “xóa bỏ theo quyết định giám đốc thẩm” hoặc “xóa bỏ theo quyết định tái thẩm”;

+ Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã có lý lịch tư pháp và kết quả tra cứu, xác minh của cơ quan công an, Tòa án cho thấy người đó “có án tích” mà án tích này chưa có trong lý lịch tư pháp của người đó thì Sở Tư pháp, nơi thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện cập

nhật thông tin đó vào lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP;

+ Trường hợp Sở Tư pháp nhận được quyết định thi hành án, quyết định đình chỉ phúc thẩm, quyết định ủy thác thi hành án, quyết định đình chỉ thi hành án thì cập nhật thông tin bổ sung vào mục Quyết định thi hành bản án hình sự trong lý lịch tư pháp theo mẫu số 01/TT-LLTP ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP;

+ Trường hợp nhận được quyết định tổng hợp hình phạt, thông báo của giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam về việc phạm nhân chết thì Sở Tư pháp cập nhật nội dung của thông báo này vào lý lịch tư pháp của người bị kết án. Đồng thời, Sở Tư pháp căn cứ vào quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù do Tòa án cung cấp để xem xét, quyết định tiêu hủy hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy của người đó theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP;

+ Trường hợp nhận được quyết định của Chủ tịch nước về việc ân giảm án tử hình thì Sở Tư pháp cập nhật nội dung của quyết định này vào mục Quyết định ân giảm án phạt tử hình trong lý lịch tư pháp của người bị kết án;

+ Trường hợp Sở Tư pháp nhận được quyết định thi hành án dân sự thì cập nhật thông tin bổ sung vào mục Quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác tại phần Tình trạng thi hành án trong lý lịch tư pháp của người đó;

+ Sở Tư pháp thực hiện cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc cập nhật thông tin.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện cập nhật thông tin bổ sung vào lý lịch tư pháp đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP trên cơ sở thông tin do Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan cung cấp.

+ Trường hợp nhận được văn bản thông báo về việc thi hành án phạt trực xuất, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cập nhật nội dung của văn bản thông báo, quyết định tạm đình chỉ vào lý lịch tư pháp của người bị kết án.

Trường hợp công dân Việt Nam đã có lý lịch tư pháp mà sau đó nhận được trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người đó do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cập nhật thông tin về trích lục

bản án hoặc trích lục án tích như một bản án tiếp theo vào lý lịch tư pháp của người đó.

Trường hợp nhận được thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành hình phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cập nhật thông tin về việc đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 30 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Câu hỏi 63. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với người chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 30 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 quy định việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá cụ thể như sau:

- Khi nhận được giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung; quyết định đình chỉ thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án trong trường hợp người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ, Sở Tư pháp ghi vào lý

lịch tư pháp của người đó theo nội dung của giấy chứng nhận, quyết định, văn bản thông báo.

- Khi nhận được giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia ghi vào lý lịch tư pháp của người đó theo nội dung của giấy chứng nhận; trường hợp được đặc xá thì ghi “đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định đặc xá”; trường hợp được đại xá thì ghi “được miễn trách nhiệm hình sự theo quyết định đại xá”.

Câu hỏi 64. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với người bị kết án đã thi hành hình phạt trục xuất được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc thông tin lý lịch tư pháp đối với người bị kết án đã thi hành hình phạt trục xuất theo Điều 31 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, trường hợp người bị kết án đã thi hành hình phạt trục xuất thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia ghi “đã bị trục xuất” vào lý lịch tư pháp của người đó.

Câu hỏi 65. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp công dân Việt Nam bị Tòa án nước ngoài kết án được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 32 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp công dân Việt Nam bị Tòa án nước ngoài kết án được quy định như sau:

- Trường hợp công dân Việt Nam đã có lý lịch tư pháp mà sau đó được dẫn độ để thi hành án hoặc được chuyển giao để chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia ghi vào lý lịch tư pháp của người đó theo nội dung của quyết định dẫn độ hoặc quyết định tiếp nhận chuyển giao.

- Trường hợp công dân Việt Nam đã có lý lịch tư pháp mà sau đó có trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người đó do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 29 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Trường hợp nhận được thông báo về quyết định miễn, giảm hình phạt, đặc xá, đại xá của nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị Tòa án nước đó kết án đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia ghi vào lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 30 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Câu hỏi 66. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp người bị kết án

được xóa án tích quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 33 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp người bị kết án được xóa án tích được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp người bị kết án đương nhiên được xóa án tích thì Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật thông tin như sau:

+ Khi nhận được giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án thì ghi “đã được xóa án tích” vào lý lịch tư pháp của người đó;

+ Khi xác định người bị kết án có đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự thì ghi “đã được xóa án tích” vào lý lịch tư pháp của người đó.

- Trường hợp người bị kết án được Tòa án quyết định xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự thì Sở Tư pháp ghi “đã được xóa án tích” vào lý lịch tư pháp của người đó.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên của Luật, Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã hướng dẫn cụ thể về việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về đương nhiên được xóa án tích sau khi có kết quả xác minh như sau:

Căn cứ vào kết quả xác minh Trung tâm Lý lịch

tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp của người bị kết án, theo đó:

- Ghi vào lý lịch tư pháp của người bị kết án là “đã được xóa án tích” nếu người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Không phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành;

+ Có án tích về một tội mà lại bị kết án hoặc bị điều tra, truy tố, xét xử về hành vi phạm tội xảy ra trước hoặc sau thời hạn đang có án tích về tội đó theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành.

- Trường hợp người đang có án tích về một tội mà lại bị kết án bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi phạm tội xảy ra trong thời hạn đang có án tích về tội đó theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì ghi là “có án tích” đối với tội đó.

- Nếu người có án tích về một tội mà đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc bị kết án nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật về hành vi phạm tội xảy ra trong thời hạn đang có án tích về tội đó theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì chưa cập nhật thông tin về đương nhiên xóa án tích trong lý lịch tư pháp của người đó mà chờ kết quả xét xử của Tòa án.

Câu hỏi 67. Trách nhiệm gửi thông tin cập

nhật lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 34 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, trường hợp lý lịch tư pháp được cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 30 và Điều 33 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Sở Tư pháp phải gửi thông tin đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc cập nhật thông tin. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ngay sau khi nhận được thông tin bổ sung.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mẫu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

Cụ thể hóa quy định này của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2013/TT-BTP đã hướng dẫn cụ thể việc gửi thông tin lý lịch tư pháp bổ sung như sau:

- Trường hợp lý lịch tư pháp được cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 30, Điều 33 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP, căn cứ vào nội dung thông tin được cập nhật trong lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc

gia Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Trường hợp Sở Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư pháp và đồng thời cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào lý lịch tư pháp đã lập thì Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia bản lý lịch tư pháp được lập đã có các thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật, không gửi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2013/TT-BTP.

- Trường hợp nhận được các quyết định, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và Điều 19 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi bản sao của các quyết định, giấy chứng nhận này cho Sở Tư pháp nơi người bị kết án cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền có thẩm quyền ký Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

- Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ

sung được cung cấp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cung cấp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm quy định về hình thức cung cấp tại khoản 2 Điều 8 và tiêu chuẩn của dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 68. Việc ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong những trường hợp cập nhật bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo; các quyết định, giấy chứng nhận liên quan đến tình trạng thi hành án được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 13/2011/TT-BTP thì việc ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong trường hợp cập nhật bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp cập nhật đối với những bản án tiếp theo quy định tại Điều 29 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, căn cứ vào lý lịch tư pháp đã được cập nhật, Sở Tư pháp ghi các thông tin về bản án đó vào Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung bao gồm các nội dung tại mục “Nội dung bản

án” trong Phần III “Thông tin về án tích” trong lý lịch tư pháp và gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trường hợp cập nhật đối với quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo, căn cứ vào lý lịch tư pháp đã được cập nhật, Sở Tư pháp ghi các thông tin về quyết định tuyên bố phá sản đó vào Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung bao gồm các nội dung trong Phần IV “Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã” trong lý lịch tư pháp và gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

Theo tại Điều 13 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP thì việc ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong trường hợp cập nhật các quyết định, giấy chứng nhận liên quan đến tình trạng thi hành án được quy định như sau:

- Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung phải ghi rõ các thông tin về quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật bổ sung trong lý lịch tư pháp, bao gồm: loại thông tin là tên quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật trong lý lịch tư pháp; số văn bản; ngày, tháng, năm ra văn bản, cơ quan ban hành văn bản và nội dung của văn bản.

- Mục nội dung của văn bản được cập nhật trong Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung, cụ thể như sau:

+ Trường hợp cập nhật quyết định thi hành án phạt tù có thời hạn, án phạt tù cho hưởng án treo, án phạt tù chung thân, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt tử hình, án phạt trục xuất thì ghi rõ: hình phạt chính phải thi hành, hình phạt bổ sung (nếu có), thời điểm chấp hành án phạt chính.

Trường hợp cập nhật quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì ghi rõ: ngày, tháng, năm đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp cập nhật quyết định ủy thác thi hành án hình sự thì ghi rõ: cơ quan được ủy thác thi hành án, án phạt được ủy thác thi hành án, ngày, tháng, năm ủy thác thi hành án.

Trường hợp cập nhật quyết định đình chỉ việc thi hành án phạt tù thì ghi rõ: án phạt được đình chỉ, ngày, tháng, năm đình chỉ thi hành án phạt tù;

+ Trường hợp cập nhật quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, quyết định miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, quyết định miễn chấp hành án phạt quản chế thì ghi rõ: án phạt được miễn chấp hành, ngày, tháng, năm được miễn, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, quyết định tạm đình chỉ chấp

hành án phạt tù thì ghi rõ: thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực, cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý;

+ Trường hợp cấp nhật quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thì ghi rõ: hình phạt được giảm thời hạn chấp hành, thời gian được giảm, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cấp nhật quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo thì ghi rõ: thời gian được rút ngắn, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cấp nhật giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/ án phạt cải tạo không giam giữ/ thời gian thử thách án treo thì ghi rõ: án phạt chấp hành xong, về nơi cư trú, hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành, ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt.

Trường hợp cấp nhật văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trực xuất thì ghi rõ: kết quả thi hành án phạt trực xuất, ngày, tháng, năm thi hành án phạt trực xuất;

+ Trường hợp cấp nhật quyết định tiếp nhận chuyển giao, quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao/Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ thì ghi rõ: nội dung quyết định hoặc thông báo, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì ghi rõ: án phạt chấp hành xong, ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt;

+ Trường hợp cập nhật quyết định ân giảm án phạt tử hình thì ghi rõ: nội dung ân giảm, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác thì ghi rõ: các khoản phải thi hành, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực.

Trường hợp cập nhật quyết định ủy thác thi hành án dân sự thì ghi rõ: cơ quan được ủy thác thi hành án, án phạt được ủy thác thi hành án, ngày, tháng, năm ủy thác thi hành án;

+ Trường hợp cập nhật quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước, quyết định đình chỉ thi hành án dân sự ghi rõ: án phạt được miễn, giảm hoặc đình chỉ, ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự thì ghi rõ: nội dung xác nhận (toàn bộ, một phần); nghĩa vụ dân sự còn phải thi hành (nếu có);

+ Trường hợp cập nhật văn bản xác nhận đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản,

án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì ghi rõ: nội dung xác nhận, ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt;

+ Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đặc xá thì ghi rõ: ngày được đặc xá tha tù trước thời hạn, nơi cư trú sau khi được đặc xá, hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành (nếu có).

Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đại xá thì ghi rõ: số giấy chứng nhận, ngày, tháng, năm ra văn bản, cơ quan cấp giấy chứng nhận, số quyết định đại xá, ngày, tháng, năm được đại xá tha tù, nơi cư trú sau khi được đại xá;

+ Trường hợp cập nhật quyết định, giấy chứng nhận khác thì ghi rõ: nội dung của quyết định, giấy chứng nhận đó theo nội dung được cập nhật trong lý lịch tư pháp, ngày, tháng, năm văn bản có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, giấy chứng nhận xóa án tích, quyết định xóa án tích thì ghi rõ: số văn bản, ngày, tháng, năm ra văn bản, Tòa án ra quyết định hoặc Tòa án cấp giấy chứng nhận, nội dung quyết định hoặc nội dung chứng nhận, ngày, tháng, năm văn bản có hiệu lực;

+ Trường hợp cập nhật kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì ghi rõ: ngày, tháng, năm xác minh, nơi thực hiện việc xác minh, kết quả xác minh.

Câu hỏi 69. Việc xử lý thông tin lý lịch tư pháp khi tội phạm được xóa bỏ quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, trường hợp người bị kết án về một tội nhưng tội phạm này được xóa bỏ theo quy định của Bộ luật hình sự thì thông tin về tội đó được xóa bỏ trong lý lịch tư pháp của người đó.

Câu hỏi 70. Việc phối hợp rà soát, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 15 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì, định kỳ hằng quý, Sở Tư pháp liên hệ với Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi địa phương mình rà soát, đối chiếu các bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã do Tòa án cấp tỉnh, cấp huyện đã tuyên để bảo đảm việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không bị bỏ sót hoặc chậm trễ.

Theo Điều 16 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc phối hợp xác minh, cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định:

- Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, trường hợp các thông tin về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân để xác minh, làm rõ.

- Cơ quan đăng ký hộ tịch khi ban hành quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; cấp giấy chứng tử có trách nhiệm gửi bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng tử đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp.

Câu hỏi 71. Việc phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì trong trường hợp người bị kết án đã có đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, nhưng chưa nhận được Giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án thì Sở Tư pháp tiến hành xác minh về việc người đó có bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong thời hạn đang có

án tích hay không. Việc xác minh được thực hiện như sau:

+ Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh hoặc trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, làm việc sau khi chấp hành xong bản án;

+ Trong quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, nếu thấy cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện xác minh tại cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hay không.

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của Sở Tư pháp. Cán bộ tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác minh theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

Sở Tư pháp gửi kết quả xác minh cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

Trường hợp lý lịch tư pháp do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, thì, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án

tích của người bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

- Nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã quy định cụ thể về quy trình phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức để cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp của người bị kết án như sau:

+ Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) hoặc trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú sau khi chấp hành xong bản án về việc người đó bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong thời hạn đang có án tích hay không;

+ Cán bộ tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác minh theo yêu cầu của Sở Tư pháp. Trường hợp cần thiết, cán bộ tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp với Công an cấp xã thực hiện xác minh;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc,

kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh;

+ Trường hợp Sở Tư pháp trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú sau khi chấp hành xong bản án, thì việc trực tiếp xác minh phải được lập thành biên bản. Biên bản làm việc phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản, họ tên, chức vụ của người tham gia, nội dung làm việc, kết quả xác minh, giấy tờ văn bản kèm theo (nếu có). Biên bản được lập thành hai bản, có chữ ký của người đại diện các cơ quan tham gia và phải được đóng dấu xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi thực hiện việc xác minh.

Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích để cập nhật vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP.

Trường hợp kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP cho thấy người bị kết án có thể đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp thực hiện xác minh tại cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan để làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi

tố, điều tra, truy tố, xét xử hay không. Việc tiến hành xác minh được thực hiện như sau:

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch);

- Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã yêu cầu trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án dân sự có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp khi nhận được yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Câu hỏi 72. Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 24 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP, việc phối hợp cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư

pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại Điều 5 và Điều 16 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

- Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, trường hợp các thông tin về nhân thân như: họ, tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, nơi cư trú, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân để xác minh, làm rõ, cụ thể như sau:

+ Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch cung cấp thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và những thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong trường hợp có sự sai lệch thông tin về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cơ quan

quản lý, đăng ký hộ tịch để xác minh tính chính xác của thông tin;

+ Cơ quan đăng ký hộ tịch đã ban hành quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, cấp giấy chứng từ cho người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện cung cấp thông tin về việc thay đổi, cải chính hộ tịch và chứng từ;

+ Cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân thực hiện xác minh, cung cấp thông tin về nơi cư trú, số chứng minh nhân dân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư; cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch; cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân có nhiệm vụ xác minh, cung cấp thông tin cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin. Đối với những trường hợp đặc biệt cần xác minh nhiều nơi được phép kéo dài thời hạn nhưng không quá 20 ngày làm việc.

- Việc phối hợp cung cấp, xác minh, rà soát thông tin lý lịch tư pháp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp, bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ quốc gia.

Theo quy định tại Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-

BQP thì quy trình phối hợp được xác định cụ thể như sau:

- Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phối hợp với Tòa án quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp.

Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phối hợp với Vụ Thống kê tổng hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao trong việc rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án cung cấp.

- Định kỳ hằng quý, Sở Tư pháp phối hợp với các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) nơi các cơ quan này có trụ sở để thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3

Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17, Điều 20 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

- Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP được thực hiện như sau:

+ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP văn bản đề nghị kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu.

Tòa án Quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có nhiệm vụ rà soát, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp

cung cấp chưa đầy đủ, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đề nghị Tòa án quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tổng cục thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp cung cấp thêm thông tin;

+ Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP văn bản đề nghị kèm theo trích sau báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu.

Các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp cung cấp chưa đầy đủ, Sở Tư pháp đề nghị các Tòa phúc thẩm, Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) xác minh, cung cấp thêm thông tin.

- Định kỳ 06 tháng và hằng năm, trên cơ sở kết quả rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp phối hợp thực hiện rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho đầy đủ, chính xác.

C. THÔNG TIN VỀ CẤM

**ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, THÀNH LẬP,
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ
THEO QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN**

Câu hỏi 73. Nguồn thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 36 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nguồn thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được xác lập từ quyết định tuyên bố phá sản đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của Luật phá sản hiện hành.

Câu hỏi 74. Việc cung cấp, tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 37 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, việc cung cấp, tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định cụ thể như sau:

- Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản

doanh nghiệp, hợp tác xã gửi trích lục quyết định tuyên bố phá sản, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Nội dung trích lục quyết định tuyên bố phá sản bao gồm:

+ Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi thường trú hoặc tạm trú của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Sở Tư pháp có nhiệm vụ tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã do Tòa án cung cấp.

Trường hợp người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thường trú ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Tư pháp gửi thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Sở Tư pháp nơi người đó thường trú trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin; trường hợp không xác định được nơi thường trú của người đó thì gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp nơi người đó tạm trú.

Việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về cấm

đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã phải được ghi vào sổ tiếp nhận theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Câu hỏi 75. Việc xử lý thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì việc xử lý thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định cụ thể như sau:

- Sổ Tư pháp thực hiện tiếp nhận, cung cấp thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Điều 11, Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trường hợp người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã là người nước ngoài và không có nơi cư trú tại Việt Nam thì Sổ Tư pháp gửi thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Sổ Tư pháp thực hiện lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật lý lịch tư pháp năm 2009,

Điều 14 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP. Trường hợp người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã là người nước ngoài và không có nơi cư trú tại Việt Nam thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

- Trường hợp người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đã có lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp bổ sung thông tin cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã vào lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Trường hợp hết thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án thì thông tin về việc cá nhân không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong lý lịch tư pháp bằng giấy của người đó được gạch chéo và ghi rõ “đã hết thời hạn cấm”; đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử thì được xóa bỏ và ghi rõ “đã hết thời hạn cấm”.

Câu hỏi 76. Việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 38 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như sau:

- Trường hợp người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chưa có lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp nơi người đó thường trú hoặc tạm trú lập lý lịch tư pháp trên cơ sở quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Lý lịch tư pháp được lập thành hai bản, một bản do Sở Tư pháp quản lý, một bản được chuyển đến Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trường hợp người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản đã có lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp ghi vào lý lịch tư pháp của người đó theo quyết định của Tòa án và gửi thông tin đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Việc cập nhật thông tin bổ sung được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Nhằm cụ thể hóa quy định này của Luật, Điều 13 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã hướng dẫn cụ thể việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã như sau:

- Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận trích lục quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Tòa án cung cấp theo quy định tại Điều 37 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 để lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trường hợp người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đã có lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp ghi vào lý lịch tư pháp của người đó các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Câu hỏi 77. Thẩm quyền và nội dung lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 14 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, thẩm quyền và nội dung lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định cụ thể như sau:

- Sở Tư pháp, nơi người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thường trú, lập lý lịch tư pháp của người đó; trường hợp người đó không có nơi thường trú thì Sở Tư

pháp, nơi người đó tạm trú, lập lý lịch tư pháp.

- Lý lịch tư pháp được lập riêng cho từng người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã với các nội dung sau đây:

+ Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi thường trú, tạm trú của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản.

Câu hỏi 78. Việc xử lý thông tin lý lịch tư pháp khi hết thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 39 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, thông tin về việc cá nhân không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được xóa bỏ trong Lý lịch tư pháp của cá nhân đó khi hết thời hạn theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Câu hỏi 79. Hình thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác

xã được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Hình thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại Điều 40 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 như sau: Thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc mạng Internet, mạng máy tính.

IV. CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

A. PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Câu hỏi 80. Phiếu lý lịch tư pháp gồm những loại nào? Cấp cho đối tượng nào? Người nào có thẩm quyền quy định mẫu Phiếu lý lịch tư pháp?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 41 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Phiếu lý lịch tư pháp gồm có:

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009;
- Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và cấp theo yêu

câu của cá nhân để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 81. Nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 42 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 gồm:

- Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tình trạng án tích:

- + Đối với người không bị kết án thì ghi “không có án tích”. Trường hợp người bị kết án chưa đủ điều kiện được xóa án tích thì ghi “có án tích”, tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung;

- + Đối với người được xóa án tích và thông tin về việc xóa án tích đã được cập nhật vào lý lịch tư pháp thì ghi “không có án tích”;

- + Đối với người được đại xá và thông tin về việc đại xá đã được cập nhật vào lý lịch tư pháp thì ghi “không có án tích”.

- Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

+ Đối với người không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi “không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”;

+ Đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức không có yêu cầu thì nội dung quy định tại khoản này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 82. Nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 2 gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 43 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 2 gồm:

- Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, họ, tên cha, mẹ, vợ, chồng của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tình trạng án tích:

+ Đối với người không bị kết án thì ghi là “không có án tích”;

+ Đối với người đã bị kết án thì ghi đầy đủ án

tích đã được xoá, thời điểm được xoá án tích, án tích chưa được xoá, ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí, tình trạng thi hành án.

Trường hợp người bị kết án bằng các bản án khác nhau thì thông tin về án tích của người đó được ghi theo thứ tự thời gian.

- Thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

+ Đối với người không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi “không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”;

+ Đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Câu hỏi 83. Cách ghi nội dung Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo hướng dẫn cụ thể tại Điều 14 Thông tư số 13/2011/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông

tư số 16/2013/TT-BTP thì cách ghi Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Cách ghi mục tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 1:

+ Đối với người không bị kết án, người đã bị kết án nhưng được xóa án tích, người được đại xá thì ghi “Không có án tích”; trường hợp người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì ghi “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam”. Các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

+ Đối với người đã bị kết án mà chưa đủ điều kiện được xóa án tích thì ghi “Có án tích” và ghi rõ nội dung bản án vào các ô, cột trong Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích và án tích đó được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì cập nhật án tích đó vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1, cụ thể như sau:

Nội dung cập nhật vào cột “số bản án, ngày, tháng, năm, Tòa án đã tuyên” được cập nhật theo thông tin của bản án hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật thông tin về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung trong bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm sửa các nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung đã được sửa theo bản án phúc thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm chỉ sửa một trong các nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung của bản án hình sự sơ thẩm thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cập nhật nội dung đã sửa theo bản án hình sự phúc thẩm và nội dung được giữ nguyên của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

- Cách ghi mục tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 2:

+ Đối với người không bị kết án thì ghi là “Không có án tích”; trường hợp người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì ghi “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam”. Các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

+ Đối với người đã bị kết án thì chỉ ghi nội dung án tích vào các ô, mục tương ứng trong Phiếu lý lịch tư pháp và ghi đầy đủ án tích đã được xóa, thời điểm được xóa án tích, án tích chưa được xóa.

Án tích nào không có các nội dung tại các mục Hình phạt bổ sung, Nghĩa vụ dân sự, án phí thì ghi dấu “/” vào các mục đó.

Trường hợp người bị kết án có nhiều án tích thì thông tin về án tích của người đó được ghi theo thứ tự thời gian bị kết án.

Trường hợp người bị kết án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì án tích đó được cập nhật vào Phiếu lý lịch tư pháp số 2, cụ thể như sau:

Nội dung cập nhật vào mục “Bản án số ngày tháng năm của Tòa án ” được cập nhật theo thông tin của bản án hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú là “giữ nguyên bản án sơ thẩm số ngày tháng năm của Tòa án ”.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm sửa các nội dung về tội danh, điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, án phí của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung đã được sửa theo bản án phúc thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú là “sửa bản án sơ thẩm số ngày tháng năm của Tòa án ”.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm chỉ sửa một trong các nội dung về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng, hình phạt

chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, án phí của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung đã được sửa theo bản án hình sự phúc thẩm và nội dung được giữ nguyên của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú những nội dung nào được sửa theo bản án hình sự phúc thẩm;

+ Nội dung về “Tình trạng thi hành án” ghi theo nội dung được cập nhật trong lý lịch tư pháp của người đó tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ví dụ: Tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, trong lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A được cập nhật đến mục “Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù” thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của Nguyễn Văn A trong mục “Tình trạng thi hành án” ghi là: Hoãn chấp hành án phạt tù theo Quyết định số , ngày...tháng năm của Tòa án nhân dân .

Trường hợp người bị kết án đã được xóa án tích thì mục “Tình trạng thi hành án” ghi rõ: “Đã chấp hành xong bản án”.

+ Cách ghi mục “Xóa án tích”: Đối với những án tích đã được xóa thì ghi là “Đã được xóa án tích ngày...tháng...năm...”. Đối với những án tích chưa được xóa thì ghi là “Chưa được xóa án tích”.

- Cách ghi mục “Thông tin về cấm đảm nhiệm

chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”:

+ Đối với người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi “Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”, các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

+ Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

+ Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 không yêu cầu xác nhận nội dung về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì mục “Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã” không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

- Trường hợp thông tin về nơi cư trú, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng trong Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ thì ghi ký hiệu “/” vào mục những thông tin còn thiếu.

B. CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Câu hỏi 84. Thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định là của cơ quan nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 44 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

+ Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú;

+ Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam.

- Sở Tư pháp thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

+ Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước;

+ Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài;

+ Người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

- Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp.

Trong trường hợp cần thiết, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích

khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Về thẩm quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp, theo hướng dẫn cụ thể tại Điều 15 Thông tư số 13/2011/TT-BTP thì, Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền có thẩm quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp.

Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải được ghi vào sổ cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Câu hỏi 85. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 45 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được quy định cụ thể như sau:

- Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và kèm theo các giấy tờ sau đây:

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

+ Bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Cá nhân nộp Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý

lịch tư pháp và các giấy tờ kèm theo tại các cơ quan sau đây:

- + Công dân Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh;

- + Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú; trường hợp đã rời Việt Nam thì nộp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Cá nhân có thể ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật; trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì không cần văn bản ủy quyền.

- Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 khi có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp nơi người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường trú hoặc tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì gửi đến Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ địa chỉ cơ quan, tổ chức, mục

đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp và thông tin về người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên, Điều 19 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã hướng dẫn cụ thể về hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 như sau:

- Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp bản chụp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp cá nhân ủy quyền cho người khác (không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con) làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải có văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người ủy quyền là người nước ngoài đã rời Việt Nam thì phải có văn bản ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật nước mà người đó là công dân hoặc thường trú và phải

được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt.

Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được lập thành 01 bộ và nộp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Câu hỏi 86. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 46 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được quy định cụ thể như sau:

- Cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp nơi người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường trú hoặc tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì gửi văn bản yêu cầu đến Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cá nhân đó theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm

quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho cá nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 Luật lý lịch tư pháp năm 2009; trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thì không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 87. Việc tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 47 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, việc tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp chỉ có một nơi thường trú duy nhất tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kể từ khi đủ 14 tuổi trở lên thì việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi người đó thường trú.

- Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương kể từ khi đủ 14 tuổi trở lên thì việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi tiếp nhận yêu cầu và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài thì việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi tiếp nhận yêu cầu và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Điều 24 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết việc xác định nơi tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích như sau:

- Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích có trước ngày 01-7-2010 để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện tại cơ sở dữ liệu của ngành Công an theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

- Trường hợp kết quả tra cứu thông tin tại cơ sở dữ liệu của ngành Công an chưa có đủ căn cứ để kết luận về tình trạng án tích của người xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc người xin cấp

Phiếu lý lịch tư pháp thuộc trường hợp quy định tại Điều 27 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp liên hệ với Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng để tra cứu thông tin theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

- Trường hợp cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có đầy đủ thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01-7-2010 của những người quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 8 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì việc tra cứu thông tin được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 88. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Trường hợp Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì việc tra cứu thông tin được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ cho cơ quan Công an cùng cấp;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

- Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì việc tra cứu thông tin được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hợp lệ, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi Phiếu xác minh lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, cơ quan quản lý hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thực hiện tra cứu thông tin và gửi kết quả tra cứu cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

- Trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, ngay sau khi nhận

được yêu cầu, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an thực hiện tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của đương sự và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

Việc tra cứu, xác minh thông tin có trước ngày 01-7-2010 tại cơ quan Công an được hướng dẫn chi tiết tại Điều 20 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Theo đó:

- Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này).

Khi nhận được đề nghị của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi người bị kết án đã chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá tra cứu, xác minh để thực hiện cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá có trước ngày 01-7-2010 để lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

- Việc trích chuyển số tiền lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được để lại Trung tâm Lý lịch tư

pháp quốc gia, Sở Tư pháp cho cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định của Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Câu hỏi 89. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Tòa án để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 26 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Tòa án để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Trường hợp sau khi đã tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an mà vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ để khẳng định đương sự có hay không có án tích thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp liên hệ với Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án liên quan đến đương sự để tra cứu hồ sơ.

- Thời hạn tra cứu hồ sơ tại Tòa án không quá 5 ngày làm việc.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Điều 21 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-

VKSNDTC-BCA-BQP đã hướng dẫn cụ thể về quy trình tra cứu thông tin có trước ngày 01-7-2010 tại Tòa án như sau:

- Trong trường hợp kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của cơ quan Công an vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án đã xét xử phúc thẩm vụ án liên quan đến đương sự để tra cứu hồ sơ, nhằm khẳng định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích hay không có án tích.

Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp trực tiếp xác minh thì việc trực tiếp xác minh phải được lập thành biên bản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP. Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị tra cứu thông tin thì văn bản đề nghị phải ghi rõ thông tin về người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bao gồm: họ tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin về bản án liên quan đến đương sự (nếu có).

Việc tra cứu thông tin tại Tòa án trong trường hợp này được tiến hành ngay sau khi nhận được kết

quả tra cứu xác minh thông tin của cơ quan Công an.

- Tòa án nơi nhận được đề nghị tra cứu thông tin thực hiện tra cứu hồ sơ và thông báo kết quả cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin.

Câu hỏi 90. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì, trong trường hợp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đã từng là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng để tra cứu thông tin.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Điều 22 Thông tư liên tịch số 04/2012 đã hướng dẫn chi tiết về quy trình tra cứu thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01-7-2010 tại cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng như sau:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho những người đã từng là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng theo quy định tại Điều 27 Nghị định

số 111/2010/NĐ-CP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án quân sự Trung ương tra cứu thông tin.

- Tòa án quân sự Trung ương thông báo kết quả tra cứu thông tin cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin.

Câu hỏi 91. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp đối với trường hợp đã được xác định không có án tích trước ngày 01-7-2010 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 28 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, quy định: trường hợp người đã được cấp Phiếu lý lịch tư pháp kể từ ngày 01-7-2010 mà đã được xác định không có án tích trước ngày 01-7-2010 thì khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp lần thứ hai cho người đó không bắt buộc phải tra cứu thông tin tại các cơ quan Công an, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định tại Chương III Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

Theo hướng dẫn cụ thể tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP thì:

- Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01-7-2010 được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư

pháp quốc gia theo quy định tại Điều 47 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

- Trường hợp người bị Tòa án kết án trước ngày 01-7-2010 nhưng từ ngày 01-7-2010 Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã lập Lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì việc tra cứu thông tin được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp của người đó khi có yêu cầu.

Câu hỏi 92. Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 48 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thời hạn không quá 15 ngày.

- Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

Câu hỏi 93. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quyền từ chối việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Điều 49 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 quy định cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có quyền từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

- Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp không thuộc thẩm quyền;

- Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người khác mà không đủ điều kiện quy định tại Điều 7 và khoản 3 Điều 45 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009;

- Giấy tờ kèm theo Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ hoặc giả mạo.

Trường hợp từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Câu hỏi 94. Việc bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 50 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp Phiếu lý lịch tư pháp được cấp có nội dung không chính xác hoặc trái pháp luật.

**V. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ
LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

Câu hỏi 95. Việc xử lý vi phạm pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 51 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì việc xử lý vi phạm pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Người có thẩm quyền trong quản lý lý lịch tư pháp vi phạm quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Người nào vi phạm quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy

cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực từ ngày 01-07-2013) thì mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực hành chính tư pháp lên đến 30.000.000 đồng. Cũng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (điểm e khoản 1 Điều 3) thì đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24-9-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì:

Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; sử dụng phiếu lý lịch tư pháp sẽ bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy, dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử;

b) Sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung phiếu lý lịch tư pháp;

c) Sử dụng phiếu lý lịch tư pháp giả.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm giả phiếu lý lịch tư pháp;

b) Sử dụng phiếu lý lịch tư pháp của người khác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Hủy bỏ giấy tờ giả đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 38 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

Câu hỏi 96. Cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp có quyền khiếu nại trong các trường hợp nào? Và trong thời hạn là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 52 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp có quyền khiếu nại trong các trường hợp sau đây:

- Có căn cứ cho rằng việc từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp là trái pháp luật hoặc việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp quá thời hạn quy định xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

- Có căn cứ cho rằng Phiếu lý lịch tư pháp được cấp có nội dung không chính xác, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thời hiệu khiếu nại lần đầu

đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 là 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo việc từ chối hoặc kể từ ngày hết thời hạn giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc kể từ ngày nhận được Phiếu lý lịch tư pháp; trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hiệu khiếu nại là 60 ngày.

Thời hiệu khiếu nại lần hai là 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền.

Câu hỏi 97. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 53 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại của cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định cụ thể như sau:

- Giám đốc Sở Tư pháp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với hành vi của mình quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

- Giám đốc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với hành vi

của mình quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật lý lịch tư pháp năm 2009. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp không giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

- Thời hạn giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia là 15 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Thời hạn giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Câu hỏi 98. Tố cáo và thẩm quyền giải quyết tố cáo về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 54 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 quy định: công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền trong quản lý lý lịch tư pháp gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt

hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tố cáo.

Câu hỏi 99. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 56 Luật lý lịch tư pháp năm 2009 thì, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như sau:

- Đối với thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có trước ngày Luật lý lịch tư pháp năm 2009 có hiệu lực thì Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp để phục vụ việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong việc tổ chức thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư

pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có trước ngày Luật lý lịch tư pháp năm 2009 có hiệu lực để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

- Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thủ tục tra cứu, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Nhằm cụ thể hóa quy định trên, Điều 30 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã xác định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an trong việc chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và Công an địa phương; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Quân đội tổ chức tra cứu, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01-7-2010 theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>* Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	7
Câu hỏi 1. Theo quy định của pháp luật, lý lịch tư pháp là gì?	7
Câu hỏi 2. Thông tin lý lịch tư pháp là gì?	10
Câu hỏi 3. Phiếu lý lịch tư pháp là gì?	11
Câu hỏi 4. Ấn tích là gì?	13
Câu hỏi 5. Theo quy định của pháp luật, mục đích quản lý lý lịch tư pháp là gì?	15
Câu hỏi 6. Việc quản lý lý lịch tư pháp phải tuân theo những nguyên tắc nào?	16
Câu hỏi 7. Những người nào thuộc đối tượng quản lý lý lịch tư pháp?	17
Câu hỏi 8. Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	18
Câu hỏi 9. Quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	21
Câu hỏi 10. Các hành vi bị cấm trong quản lý, khai thác và sử dụng lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	22

Câu hỏi 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	23
Câu hỏi 12. Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	26
Câu hỏi 13. Việc tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	27
Câu hỏi 14. Biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	30

II. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CƠ SỞ

DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Câu hỏi 15. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là gì?	32
Câu hỏi 16. Nhiệm vụ của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	34
Câu hỏi 17. Nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	35
Câu hỏi 18. Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	36
Câu hỏi 19. Phạm vi xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	36

Câu hỏi 20. Việc bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	37
Câu hỏi 21. Việc quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	40
Câu hỏi 22. Thế nào là quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp?	42
Câu hỏi 23. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	43
Câu hỏi 24. Trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	43
Câu hỏi 25. Trách nhiệm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	46
Câu hỏi 26. Việc liên kết, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan được quy định như thế nào?	48
Câu hỏi 27. Mục đích sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	49
Câu hỏi 28. Đối tượng sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là cơ quan, tổ chức và cá nhân nào?	49

Câu hỏi 29. Phương thức sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào? 50

Câu hỏi 30. Thẩm quyền của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp trong sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào? 50

**III. CUNG CẤP, TIẾP NHẬN,
CẬP NHẬT, XỬ LÝ THÔNG TIN
LÝ LỊCH TƯ PHÁP
VÀ LẬP LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

51

**A. CUNG CẤP, TIẾP NHẬN THÔNG TIN
LÝ LỊCH TƯ PHÁP VỀ ÁN TÍCH**

51

Câu hỏi 31. Nguồn thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp được xác định như thế nào? 51

Câu hỏi 32. Nhiệm vụ của Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? 53

Câu hỏi 33. Nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm của các đầu mối cung cấp thông tin thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được quy định cụ thể ra sao? 60

- Câu hỏi 34. Nhiệm vụ của cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của cơ quan Công an được quy định cụ thể ra sao? 61
- Câu hỏi 35. Nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án được pháp luật quy định cụ thể ra sao? 64
- Câu hỏi 36. Nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? Trách nhiệm của các đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Cơ quan thi hành án dân sự được quy định cụ thể ra sao? 68
- Câu hỏi 37. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức khác trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác định như thế nào? 70
- Câu hỏi 38. Việc tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp được quy định như thế nào? 70
- Câu hỏi 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định như thế nào? 71

Câu hỏi 40. Việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia được quy định như thế nào?	72
Câu hỏi 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích được quy định như thế nào?	76
Câu hỏi 42. Việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Sở Tư pháp được quy định như thế nào?	77
Câu hỏi 43. Việc bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	80
Câu hỏi 44. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	82
Câu hỏi 45. Việc phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	85
Câu hỏi 46. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định thi hành án hình sự được pháp luật quy định như thế nào?	88
Câu hỏi 47. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc đặc xá, thi hành án phạt trực xuất, thi hành án dân sự được quy định như thế nào?	89

Câu hỏi 48. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung được quy định như thế nào?	90
Câu hỏi 49. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án được quy định như thế nào?	91
Câu hỏi 50. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?	91
B. LẬP LÝ LỊCH TƯ PHÁP, CẬP NHẬT, XỬ LÝ THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP	
VỀ ÁN TÍCH	92
Câu hỏi 51. Việc lập lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	92
Câu hỏi 52. Việc gửi thông tin sau khi lập lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	98
Câu hỏi 53. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia lập và lưu giữ lý lịch tư pháp trong các trường hợp nào?	102
Câu hỏi 54. Theo quy định của pháp luật, lý lịch tư pháp được lập bao gồm những nội dung gì?	102
Câu hỏi 55. Việc lập lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án trước và kể từ ngày 01-7-2010 được quy định như thế nào?	103

Câu hỏi 56. Việc lập mã số lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	109
Câu hỏi 57. Việc ghi thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	115
Câu hỏi 58. Việc ghi thông tin về án tích trong lý lịch tư pháp đối với trường hợp một người có nhiều bản án được quy định như thế nào?	120
Câu hỏi 59. Việc ghi thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	121
Câu hỏi 60. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được quy định như thế nào?	121
Câu hỏi 61. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm được pháp luật quy định như thế nào?	122
Câu hỏi 62. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với những bản án tiếp theo được pháp luật quy định như thế nào?	123
Câu hỏi 63. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với người chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá được pháp luật quy định như thế nào?	129
	201

Câu hỏi 64. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp đối với người bị kết án đã thi hành hình phạt trực xuất được pháp luật quy định như thế nào?	130
Câu hỏi 65. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp công dân Việt Nam bị Toà án nước ngoài kết án được quy định như thế nào?	130
Câu hỏi 66. Việc cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp người bị kết án được xoá án tích quy định như thế nào?	131
Câu hỏi 67. Trách nhiệm gửi thông tin cập nhật lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	133
Câu hỏi 68. Việc ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong những trường hợp cập nhật bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo; các quyết định, giấy chứng nhận liên quan đến tình trạng thi hành án được quy định như thế nào?	136
Câu hỏi 69. Việc xử lý thông tin lý lịch tư pháp khi tội phạm được xoá bỏ quy định như thế nào?	141
Câu hỏi 70. Việc phối hợp rà soát, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	142

Câu hỏi 71. Việc phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích được pháp luật quy định như thế nào? 143

Câu hỏi 72. Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác được quy định như thế nào? 147

C. THÔNG TIN VỀ CẤM ĐẢM NHIỆM
CHỨC VỤ, THÀNH LẬP, QUẢN LÝ
DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ THEO
QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN 153

Câu hỏi 73. Nguồn thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào? 153

Câu hỏi 74. Việc cung cấp, tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào? 154

Câu hỏi 75. Việc xử lý thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào? 155

Câu hỏi 76. Việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?	157
Câu hỏi 77. Thẩm quyền và nội dung lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định như thế nào?	159
Câu hỏi 78. Việc xử lý thông tin lý lịch tư pháp khi hết thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào?	160
Câu hỏi 79. Hình thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được pháp luật quy định như thế nào?	160
IV. CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP	161
A. PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP	161
Câu hỏi 80. Phiếu lý lịch tư pháp gồm những loại nào? Cấp cho đối tượng nào? Người nào có thẩm quyền quy định mẫu Phiếu lý lịch tư pháp?	161
Câu hỏi 81. Nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 gồm những nội dung gì?	161
Câu hỏi 82. Nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 2 gồm những nội dung gì?	163

Câu hỏi 83. Cách ghi nội dung Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	164
--	-----

B. CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP	169
-------------------------------------	------------

Câu hỏi 84. Thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định là của cơ quan nào?	169
--	-----

Câu hỏi 85. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được pháp luật quy định như thế nào?	171
---	-----

Câu hỏi 86. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được pháp luật quy định như thế nào?	173
---	-----

Câu hỏi 87. Việc tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	175
--	-----

Câu hỏi 88. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	177
---	-----

Câu hỏi 89. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại Tòa án để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	179
--	-----

Câu hỏi 90. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	181
---	-----

Câu hỏi 91. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp đối với trường hợp đã được xác định không có án tích trước ngày 01-7-2010 được quy định như thế nào?	182
Câu hỏi 92. Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	183
Câu hỏi 93. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quyền từ chối việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong những trường hợp nào?	184
Câu hỏi 94. Việc bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	185
V. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP	185
Câu hỏi 95. Việc xử lý vi phạm pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?	185
Câu hỏi 96. Cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp có quyền khiếu nại trong các trường hợp nào? Và trong thời hạn là bao nhiêu ngày?	187
Câu hỏi 97. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	188
Câu hỏi 98. Tổ cáo và thẩm quyền giải quyết tổ cáo về lý lịch tư pháp được pháp luật quy định như thế nào?	190

Câu hỏi 99. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp được quy định như thế nào?

190

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
PHẠM VIỆT

Biên tập nội dung:	NGUYỄN THỊ THẢO
Trình bày bìa:	DƯƠNG THÁI SƠN
Chế bản vi tính:	ĐẶNG THU CHỈNH
Sửa bản in:	NGUYỄN HOÀNG
QUỖY	
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ THẢO

TÌM ĐỌC

- BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009
- BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA NƯỚC
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- BỘ LUẬT DÂN SỰ
- BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2004
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2011